

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN QUANG PHONG

**QUẢN TRỊ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN THEO LUẬT
DOANH NGHIỆP 2014**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế
Mã số: 60380107

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS TRẦN ĐÌNH HẢO

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, toàn bộ nội dung và kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực, nếu có gì sai sót tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2017

Học viên

Nguyễn Quang Phong

DANH MỤC CÁC TỪ, CỤM TỪ VIẾT TẮT

| | |
|-----------|--|
| BKS | : Ban kiểm soát |
| BLDS | : Bộ luật dân sự |
| CTCP | : Công ty cổ phần |
| CTHD | : Công ty hợp danh |
| CTTNHHHTV | : Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên |
| CTTNHHMTV | : Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên |
| ĐHĐCĐ | : Đại hội đồng cổ đông |
| GD | : Giám đốc |
| HĐQT | : Hội đồng quản trị |
| HĐTV | : Hội đồng thành viên |
| KSV | : Kiểm soát viên |
| QTCT | : Quản trị công ty |
| TGD | : Tổng giám đốc |
| TNHH | : Trách nhiệm hữu hạn |
| TNHHMTV | : Trách nhiệm hữu hạn một thành viên |

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| MỞ ĐẦU | 1 |
| Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN VÀ PHÁP LUẬT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN | 10 |
| 1.1. Khái quát về quản trị công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. ... | 10 |
| 1.2. Pháp luật về quản trị công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. | 23 |
| Chương 2. THỰC TRẠNG ÁP DỤNG LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN Ở VIỆT NAM | 33 |
| 2.1. Các quy định của Luật Doanh nghiệp (2014) về quản trị công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên | 33 |
| 2.2. Quản trị công ty TNHH MTV trong tương quan so sánh với các loại hình doanh nghiệp khác. | 39 |
| 2.3 Những rủi ro pháp lý khi áp dụng pháp luật quản trị công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên..... | 44 |
| 2.4. Thực tiễn thi hành Luật Doanh nghiệp về quản trị nội bộ công ty TNHH MTV ở Việt Nam..... | 48 |
| Chương 3. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN Ở VIỆT NAM..... | 57 |
| 3.1. Quan điểm của việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về quản trị nội bộ của công ty TNHH MTV ở Việt Nam | 57 |
| 3.2. Những giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về quản trị công ty TNHH MTV ở Việt Nam..... | 61 |
| KẾT LUẬN | 68 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | 69 |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công ty trách nhiệm hữu hạn là một loại hình công ty được đánh giá là có nhiều tính ưu việt và được ưa chuộng bởi bản chất pháp lý của nó. Việc thừa nhận loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn trong hệ thống pháp luật Việt Nam trải qua những giai đoạn lịch sử khá lâu dài. Luật công ty (1990) chỉ quy định loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên (nhiều thành viên) bên cạnh loại hình công ty cổ phần mà không quy định công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Việc không quy định loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đặt ra những hàng rào và sự trở ngại cho các nhà làm luật và nhà đầu tư. Với sự ra đời của Luật doanh nghiệp (1999) bằng việc quy định công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên như một chìa khóa hóa giải những trở ngại đó. Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp 1999 chỉ quy định loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức thành lập mà chưa thừa nhận loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do một cá nhân là chủ sở hữu. Sự ghi nhận và bảo đảm quyền con người mà một trong những quyền đó là quyền tự do kinh doanh đòi hỏi việc ra đời của một loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân đầu tư vốn thành lập là một xu thế tất yếu. Một thực tế cho thấy, hiện nay vẫn có nhiều quan điểm chưa thống nhất với nhau khi đánh giá về loại hình công ty này. Có quan điểm cho rằng đây là loại hình công ty đối vốn, nhưng quan điểm khác thì cho rằng đây là loại hình công ty đối nhân. Mặc dù vậy, việc thừa nhận loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đã dẫn đến sự thay đổi nhận thức công ty không chỉ là một hợp đồng mà có thể còn là một hành vi pháp lý đơn phương¹. Kế thừa và phát triển Luật doanh nghiệp 2005, Luật Doanh nghiệp 2014 tiếp tục quy định công ty

¹ PGS.TS Ngô Huy Cương (chủ biên): "Giáo trình Luật thương mại phần chung và thương nhân", Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, (2013), tr 262.

trách nhiệm hữu hạn bao gồm: công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Luật Doanh nghiệp năm 2014 với 213 điều, trong đó quy định về công ty TNHH một thành viên (từ Điều 73 đến Điều 87) và chưa thực sự khắc phục được những hạn chế, bất cập mang tính cố hữu đối với loại hình công ty này, trong đó có vấn đề về QTCT. Điều đó, đã làm suy giảm sự đầu tư của các nhà đầu tư với công ty TNHH một thành viên. Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu về quản trị công ty nói chung, quản trị nội bộ công ty TNHH một thành viên nói riêng theo quy định Luật Doanh nghiệp năm 2014 là vấn đề mang tính cấp thiết và tính thời sự cao trong giai đoạn hiện nay.

Xuất phát từ nhận thức trên, tác giả đã chọn đề tài ***“Quản trị công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Luật Doanh nghiệp 2014”*** làm đề tài luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

2.1. Tình hình nghiên cứu ngoài nước

“Quản lý rủi ro là điều kiện phục vụ khách hàng tốt nhất” là nội dung cơ bản trong các công trình nghiên cứu của David H Maister (1993), *Managing the Professional Service Firm; (Quản trị các Công ty dịch vụ chuyên nghiệp)* và Anthony E. Davis, Peter R. Jarvis (2007), *Risk Management: Survival Tools for Law Firms; (Quản trị rủi ro: Những công cụ/phương pháp sống còn của Công ty luật)*. Theo tinh thần đó, các tác giả đưa ra quan điểm và các yếu tố ảnh hưởng tới quản trị rủi ro (loại quản trị rủi ro, các hệ thống hoặc thủ tục đã tồn tại và các cách thức, phương pháp kiểm soát cần thiết trong quản trị rủi ro). Bên cạnh đó, việc tránh chi phí tiềm ẩn trong xây dựng, thực hiện và phát triển các chiến lược kinh doanh hiệu quả cũng được các học giả nghiên cứu. Vấn đề quan trọng này được các tác giả ví

von mang tính hài hước rằng: nó (chi phí tiềm ẩn) giống như thời gian và hóa đơn bị mất trong kinh doanh.

Bên cạnh các công trình khoa học trên còn nhiều công trình khác nghiên cứu liên quan đến đề tài. Đây là những tài liệu quan trọng tham khảo trong quá trình hoàn thành bản luận văn. Tuy nhiên, một số nội dung về quản trị công ty TNHHHTV trở lên chưa được nghiên cứu sâu trong các công trình khoa học. Những nội dung này sẽ được tác giả phân tích, nghiên cứu trong luận văn.

Cuốn sách: Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), (2004), “*Các nguyên tắc quản trị công ty của OECD*”. Các nghiên cứu tập trung vào những vấn đề lý luận rất căn bản của Quản trị công ty. Lý thuyết về Quản trị công ty đều thể hiện ở các phương diện: (i) Quản trị công ty là một hệ thống các mối quan hệ, được xác định bởi các cơ cấu và các quy trình; (ii), các mối quan hệ trong Quản trị công ty có thể liên quan tới các bên có các lợi ích khác nhau, đôi khi là những lợi ích xung đột; (iii), tất cả các chủ thể tham gia các mối quan hệ trong Quản trị công ty đều liên quan tới việc định hướng và kiểm soát công ty; (iv), mục tiêu của Quản trị công ty là phân chia quyền lợi và trách nhiệm một cách phù hợp, qua đó làm tăng giá trị lâu dài của các cổ đông. Kết quả nghiên cứu đều cho rằng Quản trị công ty là những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát công ty, liên quan tới các mối quan hệ giữa Ban giám đốc, Hội đồng quản trị và các cổ đông của một công ty với các bên có quyền lợi liên quan. Quản trị công ty cũng tạo ra một cơ cấu để đề ra các mục tiêu của công ty, và xác định các phương tiện để đạt được những mục tiêu đó, cũng như để giám sát kết quả hoạt động của công ty. Các nghiên cứu trên là những tư liệu quý phục vụ cho việc viết và hoàn thành luận văn của tác giả.

Các công trình nghiên cứu của Laurie Young (2013), *Business Development for Law Firms; (Phát triển công ty Luật)* và Quinn, John P., Bailey, Joseph A., David E. Gaulin (2001), *Law firm accounting and financial management, third edition; (Quản trị tài chính và kế toán trong Công ty luật, phiên bản thứ 3)* đều quan tâm tới quản trị tài chính noia chung và công ty luật nói riêng như: phân tích lợi nhuận, tự quản, kế hoạch, dự án hay vấn đề về thuế,... Bên cạnh đó, các tác giả cũng cung cấp những số liệu thực tiễn về quản trị đối với thương hiệu hay doanh thu và sự tham gia của khách hàng thông qua cách thức bán cross-selling (cách tăng doanh số bán hàng qua các hình thức bán thêm sau khi mua sản phẩm chính). Trên cơ sở các Bản cáo bạch tài chính về lợi nhuận, về phân tích tài chính,..góp phần xây dựng nên một mô hình QTCT một cách khoa học và hiệu quả. Các công trình khoa học giúp đưa ra một hệ thống các vấn đề liên quan đến quản trị tài chính của công ty và những lời khuyên khả thi được đưa ra để xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh tốt nhất của công ty.

Bên cạnh đó, việc tránh chi phí tiềm ẩn trong xây dựng, thực hiện và phát triển các chiến lược kinh doanh hiệu quả cũng được các học giả nghiên cứu. Vấn đề quan trọng này được các tác giả ví von mang tính hài hước rằng: nó (chi phí tiềm ẩn) giống như thời gian và hóa đơn bị mất trong kinh doanh. Bên cạnh các công trình khoa học trên còn nhiều công trình khác nghiên cứu liên quan đến đề tài. Đây là những tài liệu quan trọng tham khảo trong quá trình hoàn thành bản luận văn. Tuy nhiên, một số nội dung về quản trị công ty TNHH MTV trở lên chưa được nghiên cứu sâu trong các công trình khoa học. Những nội dung này sẽ được tác giả phân tích, nghiên cứu trong luận văn.

2.2. Tình hình nghiên cứu trong nước:

Vấn đề quản trị bộ công ty nói chung, quản trị công ty TNHH một thành viên nói riêng được các nhà khoa học trong nước tập trung nghiên cứu trên nhiều phương diện khác nhau, với cách tiếp cận khác nhau và kết quả khác nhau. Những công trình khoa học chủ yếu như:

- Nguyễn Như Phát (đồng tác giả), *Luật kinh tế Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002. Tác giả tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản của Luật kinh tế như: chủ thể luật kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, các vấn đề giải quyết tranh chấp kinh doanh phát sinh từ hoạt động của doanh nghiệp,...

- Phạm Duy Nghĩa, *Chuyên khảo luật kinh tế*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội, 2004. Trong công trình nghiên cứu của mình, tác giả phân tích, bình luận những nội dung quan trọng như: quan điểm về Luật kinh tế, luật kinh doanh, thương mại, về quản trị trong các loại hình doanh nghiệp hay các nội dung về vốn, về giải quyết tranh chấp kinh doanh,...

- Cao Thị Kim Trinh (2004) : “Tổ chức quản lý nội bộ công ty cổ phần, những vấn đề lý luận và thực tiễn”, Luận văn thạc sĩ luật học. Đây là công trình nghiên cứu về Tổ chức quản lý nội bộ công ty cổ phần trên phương diện lý luận và thực tiễn. Đồng thời, tác giả cũng chỉ rõ những hạn chế, bất cập của các quy định. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về công ty cổ phần. Kết quả nghiên cứu là tài liệu để tác giả có thể tham khảo trong khi viết luận văn.

- Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Đình Cung: “Công ty – Vốn, quản lý và tranh chấp theo Luật doanh nghiệp 2005”, NXB Tri Thức. Các nghiên cứu tập trung phân tích về vốn trên nhiều góc độ khác nhau như: hình thành vốn, các loại vốn trong công ty, vấn đề quản lý nguồn vốn và đặc biệt là các tranh chấp

có thể phát sinh liên quan đến vốn trong quá trình hình thành và hoạt động của công ty. Trên cơ sở đó, tác giả cũng sẽ tập trung phân tích sâu hơn yếu tố về vốn và sự tác động của nó trong quản trị công ty trong luận văn.

- Nguyễn Thị Lan Hương: “Một số so sánh về công ty cổ phần theo Luật Công ty Nhật Bản và Luật doanh nghiệp Việt Nam”, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học 25 (2009), trang 87-93. Tác giả chỉ rõ những nét tương đồng và khác biệt cơ bản về công ty cổ phần theo qui định của Luật Công Ty Nhật Bản và Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Đồng thời, từ việc phân tích đó có thể rút ra một số bài học tham khảo cho Việt Nam khi xây dựng mô hình công ty cổ phần.

- Nguyễn Quý Trọng, “Thách thức trong quản trị công ty cổ phần ở Việt Nam – từ lý thuyết đến thực tiễn áp dụng”, tạp chí Luật học số 02/ 2014. Nội dung nghiên cứu tập trung luận giải những thách thức trong quản trị công ty cổ phần để tìm ra những cách thức nhằm nâng cao hiệu quả của mô hình quản trị công nói chung, quản trị công ty cổ phần nói riêng ở Việt Nam.

- Ngô Viễn Phú, “*Địa vị pháp lý của Tổng giám đốc công ty cổ phần*”, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 7/2005. Tác giả đề cập tới vị trí, vai trò của Tổng giám đốc công ty cổ phần trong quá trình thực hiện thẩm quyền, chức năng của mình đối với hoạt động của công ty. Tuy nhiên, bên cạnh chức danh Tổng giám đốc công ty thì còn các chức danh quản lý khác liên quan đến hiệu quả quản trị công ty như: Chủ tịch Hội đồng thành viên, người đại diện cho công ty TNHH MTV trở lên,.. sẽ được tác giả làm rõ trong luận văn.

Bên cạnh các công trình khoa học trên nghiên cứu về công ty, về quản trị công ty còn khá nhiều công trình khác có liên quan. Mỗi một công trình nghiên cứu tiếp cận về quản trị công ty nói chung, trong đó có

CTTNHHMTV trở lên ở các góc độ khác nhau, mức độ khác nhau. Đây là những tài liệu để tác giả tham khảo trong quá trình hoàn thành bản luận văn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về quản trị công ty, về quản trị công ty TNHHMTV, trong đó tập trung chủ yếu nghiên cứu về quản trị nội bộ CTTNHHMTV trong mối tương quan và sự khác biệt với một số loại hình công ty khác như CTHD, CTCP theo quy định của pháp luật Việt Nam. Luận văn tiếp cận việc áp dụng pháp luật về Quản trị công ty TNHHMTV, tìm ra những điểm còn hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế, bất cập đó. Trên cơ sở đó, đề xuất yêu cầu, giải pháp hoàn thiện pháp luật về quản trị công ty TNHHMTV ở Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

4.1 Đối tượng nghiên cứu: (i) Luận văn tập trung nghiên cứu chủ yếu những vấn đề lý luận về quản trị công ty, quản trị công ty TNHHMTV, tập trung nghiên cứu sâu về quản trị nội bộ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; (ii) Lịch sử hình thành, phát triển và nội dung của pháp luật hiện hành của Việt Nam về quản trị công ty, Công ty TNHH một thành viên trong mối tương quan với một số mô hình công ty khác; (iii) Từ thực trạng pháp luật về quản trị và quản trị nội bộ công ty TNHHMTV, xác định những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những bất cập, hạn chế đó trong quá trình áp dụng pháp luật về quản trị công ty TNHHMTV tại Việt Nam.

4.2 Phạm vi nghiên cứu:

- Quản trị công ty TNHHMTV là một vấn đề có nội dung nghiên cứu rộng, bao gồm quản trị bên trong công ty TNHHMTV (quản trị nội bộ) và quản trị bên ngoài công ty (các giao dịch, các hợp đồng, các mối quan hệ với cơ quan nhà nước). Tuy nhiên, do khuôn khổ của một luận văn thạc sĩ và đảm

bảo mức độ nghiên cứu sâu, luận văn chủ yếu tập trung nghiên cứu làm rõ các vấn đề lý luận về quản trị nội bộ công ty TNHH một thành viên theo Luật Doanh nghiệp năm 2014), vai trò và những yếu tố tác động tới quản trị nội bộ công ty TNHH MTV.

- Phân tích khái quát về sự hình thành, phát triển và nội dung cơ bản các quy định về quản trị công ty TNHH một thành viên;

- Nghiên cứu quy định quản trị nội bộ công ty TNHH MTV để tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt so với một số loại hình công ty khác nhằm tham khảo cho việc hoàn thiện pháp luật về quản trị công ty TNHH MTV ở Việt Nam.

- Từ việc phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về quản trị công ty, quản trị nội bộ công ty TNHH MTV, tìm ra những điểm còn hạn chế, bất cập và những nguyên nhân của các bất cập, hạn chế đó về quản trị công ty TNHH một thành viên.

Về không gian, Luận văn chỉ nghiên cứu quản trị công ty (tập trung nghiên cứu quản trị nội bộ công ty TNHH MTV), *Về thời gian*, luận văn chủ yếu tập trung nghiên cứu về QTCT, quản trị công ty TNHH MTV theo quy định của pháp luật Việt Nam từ năm 1990 (Luật công ty) đến nay (Luật doanh nghiệp năm 2014).

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn dựa trên nền tảng lý luận là các nguyên tắc và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, những quan điểm của Đảng và nhà nước ta hiện nay. Ngoài ra tác giả còn kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản như phương pháp tổng hợp, phân tích; phương pháp luật học so sánh, ... trong quá trình giải quyết các nội dung và mục tiêu đã đề ra trong luận văn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Về mặt lý luận, Luận văn tập trung giải quyết mối quan hệ giữa quản trị công ty TNHH một thành viên với các loại hình doanh nghiệp khác theo Luật doanh nghiệp 2014.

- Đồng thời, Luận văn làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn của quản trị công ty TNHH một thành viên và đưa ra một số giải pháp nhằm thực thi pháp luật về loại hình doanh nghiệp này.

- Về thực tiễn, kết quả nghiên cứu Luận văn sẽ là tài liệu tham khảo cho giới nghiên cứu lý luận cũng như các nhà doanh nghiệp.

7. Kết cấu của luận văn

Bố cục của luận văn bao gồm: ngoài phần lời mở đầu, kết luận, mục lục, danh mục từ viết tắt, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn bao gồm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về quản trị công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và pháp luật về quản trị công ty TNHH MTV

Chương 2: Thực trạng áp dụng pháp luật về quản trị nội bộ công ty TNHH MTV ở Việt Nam

Chương 3: Quan điểm và giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về quản trị nội bộ của công ty TNHH MTV ở Việt Nam

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN VÀ PHÁP LUẬT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

1.1. Khái quát về quản trị công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

1.1.1.1 Khái niệm công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Văn bản pháp luật đầu tiên có giá trị luật về công ty, đó chính là Luật Công ty được ban hành ngày 21/12/1990 cùng ngày với Luật Doanh nghiệp tư nhân. Luật công ty (1990) quy định hai loại hình công ty, bao gồm: công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên (nhiều thành viên) và công ty cổ phần. Luật công ty (1990) không quy định công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Việc không quy định loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đặt ra những hàng rào và sự trở ngại cho các nhà làm luật và nhà đầu tư. Với sự ra đời của Luật doanh nghiệp (1999) bằng việc quy định công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên như một chìa khóa hóa giải những trở ngại đó. Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp 1999 chỉ quy định loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức thành lập mà chưa thừa nhận loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do một cá nhân là chủ sở hữu. Sự ghi nhận và bảo đảm quyền con người mà một trong những quyền đó là quyền tự do kinh doanh đòi hỏi việc ra đời của một loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân đầu tư vốn thành lập là một xu thế tất yếu. Một thực tế cho thấy, hiện nay vẫn có nhiều quan điểm chưa thống nhất với nhau khi đánh giá về loại hình công ty này. Có quan điểm cho rằng đây là loại hình công ty đối vốn, nhưng quan điểm khác thì cho rằng đây là loại hình

công ty đối nhân. Mặc dù vậy, việc thừa nhận loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đã dẫn đến sự thay đổi nhận thức công ty không chỉ là một hợp đồng mà có thể còn là một hành vi pháp lý đơn phương². Kể thừa và phát triển Luật doanh nghiệp 2005, Luật Doanh nghiệp 2014 tiếp tục ba loại hình công ty, bao gồm: công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh. Trong đó: Công ty trách nhiệm hữu hạn bao gồm: công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu (sau đây gọi là chủ sở hữu công ty); chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty³.

1.1.1.2 Đặc điểm của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Thứ nhất, công ty TNHH MTV là một pháp nhân. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh. Công ty TNHH MTV có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Tài sản của công ty được tách bạch với tài sản của các thành viên công ty. Đây cũng chính là đặc điểm cơ bản của loại hình công ty đối vốn trên thế giới.

Thứ hai, Công ty TNHH MTV do một cá nhân hoặc một tổ chức là chủ sở hữu công ty. Chủ sở hữu công ty bao gồm/và là nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài. Chủ sở hữu công ty được thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Theo đó, chủ sở hữu công ty là tổ chức có các quyền cơ bản sau: Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa

² PGS.TS Ngô Huy Cương (chủ biên): "Giáo trình Luật thương mại phần chung và thương nhân", Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, (2013), tr 262.

³ Điều 73 Luật doanh nghiệp năm 2014.

đổi, bổ sung Điều lệ công ty; Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty; Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty; Quyết định dự án đầu tư phát triển; Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác do Điều lệ công ty quy định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty;.....Đối với chủ sở hữu công ty là cá nhân có các quyền sau: Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; Quyết định đầu tư, kinh doanh và quản trị nội bộ công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác; Quyết định tăng vốn điều lệ, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác⁴;

Chủ sở hữu công ty có các nghĩa vụ chủ yếu như: Góp đầy đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty; Tuân thủ Điều lệ công ty; Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty và tài sản của công ty. Chủ sở hữu công ty là cá nhân phải tách biệt các chi tiêu của cá nhân và gia đình mình với các chi tiêu trên cương vị là Chủ tịch công ty và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty và chủ sở hữu công ty⁵,.....

Thứ ba, công ty chịu trách nhiệm đối với nghĩa vụ tài chính và các khoản nợ của công ty bằng tài sản của công ty (trách nhiệm hữu hạn). Các thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty trừ trường hợp thành viên chưa góp vốn hoặc góp không đủ

⁴ Điều 75 Luật Doanh nghiệp (2014).

⁵ Điều 76 Luật doanh nghiệp năm 2014.

số vốn đã cam kết. Các thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước ngày công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và phần vốn góp của thành viên. Điều này cho thấy trong công ty TNHH MTV có sự tách bạch tài sản giữa tài sản công ty và tài sản của các thành viên công ty. Nguyên tắc phân tách tài sản được áp dụng trong mọi quan hệ tài sản, nợ nần và trách nhiệm pháp lý của công ty trong quá trình hoạt động (vốn cam kết hoặc số vốn đã góp vào công ty).

Thứ tư, công ty TNHH MTV không được phát hành cổ phần. Việc phát hành cổ phần là một trong những hành vi nhằm tạo lập vốn ban đầu cũng như trong quá trình hoạt động của công ty. Công ty TNHH MTV không được phát hành cổ phần cho thấy sự gia nhập của người ngoài vào công ty bị hạn chế hơn so với công ty cổ phần. Tuy nhiên, công ty TNHH MTV được phát hành trái phiếu để huy động vốn khi đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật và theo điều lệ công ty.

Thứ năm, Chủ sở hữu công ty được chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác. việc chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên trong công ty phải tuân thủ theo các điều kiện nhất định. Vì vậy, chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên bị hạn chế hơn so với việc chuyển nhượng vốn của thành viên trong công ty cổ phần. Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác có thể làm thay đổi mô hình công ty. Công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần và đồng thời thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng, tặng cho hoặc kết nạp thành viên mới⁶.

⁶ Điều 77 Luật Doanh nghiệp (2014).

1.1.2. Khái quát về quản trị công ty và quản trị công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1.1.2.1 Khái niệm quản trị công ty

Thực tế cho thấy, xuất phát từ nhiều lý do khác nhau, hiện nay trên thế giới có nhiều quan niệm về quản trị công ty. Việc chưa có một khái niệm chính thức, thống nhất về “Corporate Governance”/CG (Cơ chế Quản trị Công ty) do sự khác nhau về nguồn gốc của các thể chế pháp luật, đặc tính văn hóa, trình độ phát triển của thị trường tài chính của từng quốc gia. “Đó cũng là do CG bao trùm lên một số lượng lớn các hiện tượng kinh tế khác biệt, dẫn tới dưới những góc độ tiếp cận khác nhau, mỗi nhà nghiên cứu lại đưa các định nghĩa khác nhau về khái niệm “Corporate Governance”⁷. Vì vậy, trên thực tế có khá nhiều khái niệm về QTCT.

Trong cuốn “Các nguyên tắc quản trị công ty” (OECD Principle of Corporate Governance) xuất bản năm 1999, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) đã đưa ra một định nghĩa chi tiết về CG “Corporate Governance”/ CG (Cơ chế quản trị công ty): “QTCT là những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát công ty (...), liên quan tới mối quan hệ giữa Ban Giám đốc, HĐQT và các cổ đông của một công ty với các bên có quyền lợi liên quan. QTCT cũng tạo ra một cơ cấu để đề ra các mục tiêu của công ty, và xác định các phương tiện để đạt được những mục tiêu đó, cũng như để giám sát kết quả hoạt động của công ty. QTCT chỉ được coi là có hiệu quả khi khích lệ được Ban Giám đốc và HĐQT theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát của các cổ đông, cũng như phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám

⁷ Nguyễn Trần Đan Thư (2009): “Nâng cao hiệu quả quản trị công ty trong các công ty cổ phần ở Việt Nam”, LVThs kinh tế, Trường Đại kinh tế TP HCM, tr2.

sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt hơn.

Theo Tổ chức tài chính quốc tế (IFC) thì QTCT là “những cơ cấu, những quá trình để định hướng và kiểm soát công ty”.

Theo hệ thống pháp luật của các quốc gia trên thế giới, có nhiều mô hình quản trị khác nhau như: mô hình quản trị hai tầng (hội đồng kép) hoặc mô hình một tầng (hội đồng đơn). Mỗi mô hình quản trị đều có tính ưu việt và những hạn chế cùng với nhu cầu của sự hoàn thiện về quản trị công ty

Khái quát lại, *Quản trị công ty được xem là hệ thống các thiết chế, chính sách, thông lệ nhằm định hướng, vận hành và kiểm soát công ty. Quản trị công ty cũng bao hàm mối quan hệ giữa nhiều bên, không chỉ trong nội bộ như các thành viên, Ban giám đốc, Hội đồng thành viên mà còn những bên có lợi ích liên quan bên ngoài công ty như cơ quan quản lý nhà nước, các đối tác kinh doanh và cả môi trường, cộng đồng, xã hội.*

Như vậy, có thể nhận thấy: quản trị công ty nói chung, quản trị công ty TNHH MTV bao gồm những vấn đề liên quan đến quản trị bên trong công ty như: hệ thống tổ chức, quản lý công ty, cơ chế kiểm soát công ty,... và các thiết chế pháp luật về các quan hệ giữa công ty cơ quan quản lý nhà nước, các đối tác kinh doanh và cả môi trường, cộng đồng, xã hội trong quá trình thực hiện hiệu quả những kế hoạch và chiến lược phát triển công ty.

1.1.2.2 Khái niệm và đặc điểm của quản trị công ty TNHH MTV

Khái niệm quản trị công ty TNHH MTV.

Quản trị công ty TNHH MTV là hệ thống các thiết chế, chính sách, thông lệ nhằm định hướng, vận hành và kiểm soát công ty. Quản trị công ty TNHH MTV cũng bao hàm mối quan hệ giữa nhiều bên, không chỉ trong nội

bộ như các thành viên, Ban giám đốc, Hội đồng thành viên mà còn những bên có lợi ích liên quan bên ngoài công ty như cơ quan quản lý nhà nước, các đối tác kinh doanh và cả môi trường, cộng đồng, xã hội.

Đặc điểm của quản trị công ty TNHH MTV

Thứ nhất, quản trị công ty TNHH MTV là một hệ thống các mối quan hệ được xác định bởi các cơ cấu và quy trình⁸. Đó là mối quan hệ giữa ông chủ với người làm công, giữa người quản lý với người điều hành và mối quan hệ giữa chính công ty với cộng đồng xã hội. Điển hình cho mối quan hệ giữa chủ sở hữu với người làm công là thành viên với Ban Giám đốc điều hành công ty khi các Thành viên cung cấp vốn cho công ty nhằm đầu tư thu về lợi nhuận và ngược lại Ban Giám đốc có trách nhiệm duy trì hoạt động kinh doanh hiệu quả mang lại lợi nhuận mong muốn cho các thành viên. Bên cạnh đó, thành viên còn có mối quan hệ với HĐQT, Ban Kiểm soát khi họ bầu ra các cơ quan này để đại diện và duy trì bảo đảm quyền lợi cho họ. HĐQT, BKS hay KSV định hướng chiến lược cho BGD và thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Giám đốc. Và tất nhiên, HĐQT, BKS có trách nhiệm với chủ sở hữu hay mọi người, thành viên trong việc duy trì sự phát triển bền vững của công ty. Trong quá trình hoạt động, bên cạnh các mối quan hệ nội bộ, công ty còn có các mối quan hệ tương tác với xã hội, cộng đồng và dân chúng. Đó là mối quan hệ giữa nhà sản xuất với người tiêu dùng, giữa người cung cấp các sản phẩm dịch vụ pháp lý với người có nhu cầu sử dụng, giữa con nợ với các chủ nợ; giữa một tổ chức với môi trường,..Các mối quan hệ này thường được thể hiện thành các quy chế, quy trình và tổng hòa các mối quan hệ này tạo thành QTCT.

⁸ IFC (2010): Cẩm nang quản trị công ty.

Thứ hai, định hướng và kiểm soát công ty. Trong công ty, quyền kiểm soát công ty là một trong các phương tiện để bảo vệ được những lợi ích rất khác nhau trong công ty. Nếu thành viên hay chủ sở hữu công ty - những người bỏ đồng vốn đầu tư vào công ty nhưng không trực tiếp điều hành công ty thì việc muốn duy trì và tăng cường sự kiểm soát hoạt động của Ban Giám đốc đối với họ là một điều dễ hiểu. Trong khi đó, đối với Ban Giám đốc, việc họ cần là được chủ động ra các quyết định điều hành công ty và việc dành quyền kiểm soát công ty để thực hiện những hành động nhằm thu lợi cho cá nhân.

Thứ ba, mục đích cuối cùng của các bên trong quản trị công ty là nhằm phân chia quyền lợi và trách nhiệm một cách phù hợp, qua đó làm gia tăng giá trị lâu dài của các thành viên. Công ty là một tổ chức⁹ gồm tập hợp nhiều thành phần với các lợi ích khác nhau. Vì vậy, mọi người trong công ty đều xác định trách nhiệm, bổn phận của mình trong mái nhà chung công ty. Do đó, cũng tương đồng với các tổ chức khác, các bên tham gia dù với những lợi ích khác nhau, hướng tới sự kiểm soát không đồng nhất thì cũng đều hướng tới mục đích cuối cùng là sự phân chia quyền lợi và trách nhiệm; và lẽ dĩ nhiên thực hiện mục tiêu chung của công ty là đảm bảo lợi nhuận cao nhất của công ty và thành viên công ty.

Thứ tư, trong quản trị công ty TNHH MTV thì các mối quan hệ trong công ty liên quan đến các bên có lợi ích khác nhau, thậm chí xung đột. Điển hình cho mối quan hệ này là sự xung đột giữa chủ sở hữu với người được ủy quyền, giữa thành viên và Ban Giám đốc, đó là mối xung đột lợi ích nhóm giữa “nhóm tài chính công ty” và “nhóm điều hành công ty”¹⁰. Một bên

⁹ Tổ chức (Organon) theo từ gốc Hy Lạp nghĩa là “hài hòa”.

¹⁰ Thúy Hải (2014): “Ai bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng”; <http://www.baomoi.com/ai-bao-ve-quyen-loi-nguoi-tieu-dung/c/13428905.epi>

(nhóm thành viên) hay chủ sở hữu thì muốn kiểm soát hoạt động của nhóm điều hành vì để đảm bảo rằng lợi ích của họ không bị thất thoát do sự điều hành bởi một bộ máy kém hiệu quả. Ngược lại, nhóm điều hành cho rằng chính sự kiểm soát đó sẽ cản trở/và gây ảnh hưởng tới việc ra các quyết định liên quan đến hoạt động của công ty. Sự xung đột này còn xuất hiện khi Ban Giám đốc ra các quyết định điều hành nhằm mục đích che dấu hoặc đạt được những mục đích lợi ích cá nhân hoặc một nhóm người nhưng gây phương hại đến lợi ích của công ty và các thành viên công ty.

1.1.3. Những yếu tố tác động tới quản trị công ty TNHH MTV

Quản trị công ty TNHH MTV tốt là tiền đề cho hệ thống kiểm soát vận hành hiệu quả trong việc thiết lập một hệ tiêu chuẩn chung nhằm nâng cao trình độ quản trị công ty và năng lực thực thi hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty, qua đó làm gia tăng sức mạnh cạnh tranh tổng thể của công ty. Quản trị công ty TNHH MTV chịu sự tác động chủ yếu/và không chỉ của những yếu tố sau:

Một là, Cơ chế chủ sở hữu công ty là cá nhân hay tổ chức. Công ty TNHH MTV có chủ sở hữu là một cá nhân hoặc một tổ chức. Xuất phát từ chế độ chủ sở hữu như vậy nên việc tổ chức, quản lý công ty cũng khác nhau. Đặc biệt là cơ chế đại diện trong công ty. Đây cũng là điểm khác biệt với công ty TNHH HTV. Đối với công ty TNHH HTV thì tính chất đồng chủ sở hữu trong công ty tạo nên “xương sống” quyết định việc chia sẻ quyền lực trong công ty cũng như tạo ra các dòng “huyết mạch” nuôi sống và làm bền vững hoạt động công ty.

Hai là, Bản điều lệ công ty. Điều lệ công ty có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự ra đời và hoạt động của công ty. Bản Điều lệ công ty được xem như “cẩm nang” cho sự tồn tại và phát triển công ty. Nó được hình thành

trên nền tảng của sự đồng thuận hay cam kết của các chủ sở hữu công ty. Nếu hệ thống pháp luật chưa thực sự minh bạch, rõ ràng thì các vấn đề về tổ chức, điều hành, quyền và nghĩa vụ của các thành viên....càng phải được ghi nhận cụ thể trong Điều lệ công ty. Bản điều lệ công ty được coi là một trong những “cột trụ” làm nên sự thành công của một nền quản trị công ty. Bản điều lệ, về mặt nguyên tắc không được trái với các quy định của pháp luật nhưng điều đó cũng không hoàn toàn đồng nghĩa với việc Bản điều lệ của công ty chỉ là một bản sao chép nguyên xi những điều luật. Bản điều lệ công ty xây dựng quy chế quản trị công ty, thể hiện nguyện vọng của thành viên, của hội đồng thành viên, Ban giám đốc và mọi người trong công ty. Bởi vậy, các quy định của điều lệ công ty có tính chất bắt buộc thi hành với công ty và các thành viên của nó. Điều lệ công ty không chỉ điều chỉnh các quan hệ đối nội giữa các thành viên trong công ty với nhau, thành viên công ty với chính công ty mà còn điều chỉnh mối quan hệ đối ngoại của công ty với những người liên quan. Do đó, một Bản điều lệ tốt cũng là nhân tố khẳng định trình độ quản lý, khả năng phát triển công ty.

Ba là, Sự phân chia quyền lực trong công ty TNHH MTV. Quản trị nội bộ công ty TNHH MTV dựa trên nền tảng mà ở đó chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý trong công ty căn cứ theo tính chất sở hữu trong công ty (cá nhân hoặc tổ chức). Đây là một điểm khác biệt với việc phân chia quyền lực trong các công ty khác. Đối với mô hình CTGD thì quyền đại diện cho công ty thuộc về tất cả các thành viên hợp danh. Các thành viên hợp danh (TVHD) thống nhất lựa chọn người đại diện cho công ty trong số các TVHD công ty. Như vậy, việc thiết lập quyền bình đẳng giữa các TVHD đã được ghi nhận mà không phụ thuộc vào tỷ lệ chiếm hữu vốn trong công ty nhiều hay ít. Đối với công ty hợp danh thì người đại diện là thành viên hợp danh (cá nhân). Cơ sở để minh chứng người đại diện

cho CTHD được ghi nhận bằng các cơ sở pháp lý: (i) ghi nhận tại hợp đồng thành lập công ty, (ii) ghi nhận trong Điều lệ công ty và (iii) ghi nhận trong Giấy đăng ký hoạt động. Công ty hợp danh được điều chỉnh bằng các thiết chế pháp luật chung đối với doanh nghiệp, đồng thời nó được điều chỉnh bởi các thiết chế pháp luật chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực ngành nghề, phong tục, tập quán, quy ước và đạo đức nghề nghiệp của thành viên.

Bốn là, Trình độ, năng lực lãnh đạo và đạo đức kinh doanh của người quản lý công ty. Trình độ, năng lực của người quản lý góp phần rất lớn trong tổ chức, điều hành công ty. Sự hướng tới chuyên môn hóa và chuyên nghiệp hóa trong lãnh đạo công ty là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, hướng tới một nền thương mại công bằng không chỉ trong một quốc gia, khu vực mà nó còn mang tính toàn cầu thì yêu cầu đòi hỏi từ những người quản lý công ty không chỉ trình độ, năng lực, sự cẩn trọng, trung thành, mẫn cán mà còn ở đạo đức kinh doanh của họ đối với cộng đồng, xã hội và mang tính nhân văn.

1.1.4. Vai trò của quản trị công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Sự sụp đổ của một số công ty lớn trên thế giới như Enron, Tyco International, Daewoo, WorldCom hay những vụ bê bối ở các Tổng công ty nhà nước lớn của Việt Nam đều có nguyên nhân sâu xa từ việc thực hiện quản trị doanh nghiệp không tốt. *Theo đánh giá của IFC thì một nền quản trị công ty tốt sẽ mang lại những hiệu quả cơ bản sau: (i) thúc đẩy và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh; (ii) nâng cao hiệu quả tiếp cận thị trường vốn; (iii) giảm chi phí vốn và (iv) nâng cao uy tín doanh nghiệp*¹¹. Quản trị công ty luôn giữ vai trò trọng yếu trong hoạt động quản lý công ty. Quản trị công ty luật quyết định tính độc lập, sự thành bại của công ty trong quá trình cung cấp

¹¹ IFC (2010): Cẩm nang quản trị công ty, tr 17 – 21.

những sản phẩm dịch vụ pháp lý và những lĩnh vực khác chất lượng cao. Vai trò của QTCTTNHHHTV thể hiện trên những phương diện chủ yếu sau:

Một là, Một nền QTCT tốt sẽ mang lại hiệu quả cao cho nhà đầu tư, nhiều lợi ích cho các thành viên khác trong công ty. Ngược lại, QTCT không tốt thường dẫn tới những hậu quả xấu, thậm chí phá sản công ty. QTCT góp phần thúc đẩy và nâng cao hoạt động của công ty. Trong tháng 12/2015, số doanh nghiệp được thành lập mới là 7.901 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 62.848 tỷ đồng, giảm 15,1% về số doanh nghiệp và tăng 19,5% về số vốn đăng ký so với tháng 11 năm 2015. Tỷ trọng vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp trong tháng 12 đạt 8,0 tỷ đồng, tăng 40,9% so với tháng trước. Số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong tháng 12 là 155,32 nghìn lao động, giảm 2,6% so với tháng trước. Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động trong tháng 12 của cả nước là 999 doanh nghiệp, tăng 20,8% so với tháng 11 năm 2015. Số doanh nghiệp gặp khó khăn trong tháng 12 là 8.615 doanh nghiệp, tăng 80,6% so với tháng trước, trong đó: 1.170 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có đăng ký và 7.445 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động chờ đóng mã số doanh nghiệp hoặc không đăng ký. Số doanh nghiệp trước tạm ngừng kinh doanh hoặc tạm ngừng hoạt động không đăng ký nay quay trở lại hoạt động trong tháng 12 trên cả nước là 2.860 doanh nghiệp, tăng 16,8% so với tháng 11 năm 2015 (*Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư*). Những thành viên gửi gắm niềm tin và trao cho những người quản lý công ty những quyền năng nhất định. Quyết định của hệ thống quản trị thông qua người đại diện minh bạch, hiệu quả có ý nghĩa quan trọng trong việc định hướng, xây dựng và thực hiện thành công những mục tiêu mà công ty đã đặt ra. Nếu năng lực chủ sở hữu (thành viên) yếu kém kể cả về chuyên môn và/hoặc khoa học quản lý cũng như đạo đức kinh doanh không đáp ứng được yêu cầu của khách

hàng, của thị trường sẽ là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn tới sự thất bại của công ty và của chính các chủ sở hữu công ty.

Hai là, QTCT nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho nhà đầu tư, cho các thành viên công ty và chủ thể liên quan. Quản trị công ty là sự tác động của nhà quản trị (thành viên) đến các hoạt động trong công ty. Một trong những nội dung của các quyết định là hướng tới và bảo vệ tốt nhất không chỉ là lợi ích của thành viên, nhà quản lý mà còn cả lợi ích của nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp và các chủ thể có liên quan. Đó là nhóm người có nhu cầu tiềm năng về các dòng tiền của công ty. Tuy nhiên, cũng cần nhấn mạnh rằng: để quản trị công ty có hiệu quả thì không thể không quan tâm đến việc kiểm soát đối với người quản lý và các quyết định của họ. Việc kiểm soát khoa học, chặt chẽ hạn chế những hành vi lạm dụng, thực hiện các giao dịch có tính tư lợi làm phương hại tới lợi ích của công ty và các thành viên khác. Một vấn đề nữa cũng hết sức quan tâm trong quản trị công ty, đó là những nhà quản trị công ty, mặc dù có trách nhiệm nặng nề về hoạt động nội bộ của công ty vẫn phải lưu ý đến sự nhìn nhận, đánh giá của người ngoài doanh nghiệp như cổ đông, chủ nợ, khách hàng, Nhà nước...

Ba là, QTCT thể hiện vai trò trong việc huy động vốn cho công ty và sự trách nhiệm của các thành viên. Để đảm bảo cho công ty hoạt động thì việc huy động vốn cho công ty là một vấn đề hết sức quan trọng. Việc huy động nguồn vốn không chỉ từ các thành viên mà còn có thể huy động từ nhiều nguồn vốn khác. Chính vì vậy, quản trị công ty tốt, với các quyết định đúng đắn sẽ góp phần tạo nên sức mạnh “về vốn” của công ty. Điều đó, góp phần nâng cao vị thế, uy tín và sự phát triển bền vững của công ty duy trì, phát triển nguồn vốn của công ty. Đối với các công ty TNHH MTV thì sự chia sẻ rủi ro gắn liền với trách nhiệm hữu hạn của thành viên đối với nghĩa vụ tài chính và các khoản nợ của công ty. Do đó, công ty không chỉ thực hiện đảm bảo đầy

đủ, kịp thời vốn cho hoạt động kinh doanh của công ty mà thông qua hiệu quả của quản trị công ty để đảm bảo trách nhiệm của thành viên với khách hàng trong các giao dịch. Bên cạnh đó, việc hình thành và sử dụng tốt các quỹ của công ty, cùng với việc sử dụng các hình thức thưởng, phạt vật chất hợp lý sẽ góp phần quan trọng thúc đẩy cán bộ công nhân viên gắn liền và trung thành với công ty từ đó nâng cao năng suất lao động, góp phần cải tiến trong hoạt động nghề nghiệp của thành viên và của công ty.

Bốn là, Quản trị công ty TNHHMTV trong mối quan hệ với các hoạt động khác. Sự tồn tại, phát triển của công ty gắn liền với muôn mặt của đời sống xã hội, từ kinh doanh, mở rộng thị phần, thị trường với đa thành phần, đa lợi ích. Một quyết định trong quản trị không được cân nhắc, hoạch định kỹ lưỡng có thể gây nên những tổn thất lớn cho công ty và ảnh hưởng đến một lĩnh vực, một ngành và thậm chí cho nền kinh tế.

1.2. Pháp luật về quản trị công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

1.2.1. Nguồn luật điều chỉnh quản trị công ty TNHHMTV

Quản trị công ty TNHHMTV được điều chỉnh bởi các nguồn luật chủ yếu sau: nguồn luật quốc tế, thói quen, tập quán quốc tế, luật quốc gia và án lệ.

1.2.1.1 Nguồn luật quốc tế.

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã tích cực nghiên cứu và tham gia nhiều điều ước quốc tế liên quan đến thương mại, đầu tư, dền doanh nghiệp,.. nhằm thúc đẩy nền thương mại quốc gia phát triển và hội nhập thành công vào nền thương mại toàn cầu. Tuy nhiên, theo đánh giá mới đây trong một báo cáo do trung tâm thương mại quốc tế ITC phối hợp cùng Bộ Công thương thực hiện, mức độ tham gia của Việt Nam vào các điều ước quốc tế đa phương quan trọng có ảnh hưởng đến thương mại còn thấp hơn mức trung

bình trong khu vực và toàn thế giới. Việt Nam đã tham gia 52 trong số 210 điều ước quốc tế quan trọng trong lĩnh vực thương mại quốc tế, trong khi đó tỷ lệ trung bình trên thế giới là 72/210 và trong khu vực là 59/210. Việt Nam được xếp hạng thứ 132 trên thế giới (trên 192 quốc gia) và thứ 14 trong khu vực châu Á (trên 23 quốc gia) ¹².

Nguồn luật quốc tế bao gồm các công ước và hiệp ước quốc tế song phương và đa phương. Nó quy định về doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, về hợp đồng, Công ước Viên 1980 (CISG)¹³, được toàn thế giới công nhận về quy định hình thức, các vấn đề liên quan đến hợp đồng cũng như các vấn đề liên quan đến thương mại quốc tế, phương tiện vận tải,... mà Việt Nam cũng mới chính thức gia nhập vào năm 2015. Nguồn luật quốc tế điều chỉnh doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp như: Incoterms đã trải qua 7 lần sửa đổi vào các năm 1953, 1967, 1976, 1980, 1990, 2000, 2010. Sự thay đổi nội dung của Incoterms theo hướng: phù hợp hơn với tập quán thương mại quốc tế thay đổi; Rõ ràng hơn, giúp các bên hiểu rõ trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi cơ bản, có liên quan đến doanh nghiệp của các quốc gia khác nhau. Theo đó, điều ước quốc tế về thương mại có hai loại: (i) những nguyên tắc pháp lý chung làm cơ sở cho hoạt động thương mại; (ii) Điều ước quốc tế trực tiếp điều chỉnh quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể khi tham gia. Đồng thời, Việt Nam tham gia đàm phán, ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó, lưu ý tới hai hiệp định thương mại tự do thế hệ mới: Hiệp định giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) và Hiệp định TPP. Ngoài ra, Việt Nam cũng tham gia ký kết các hiệp định song phương và đa phương với các quốc gia như hiệp định Việt Nam – Hoa Kỳ; hiệp định ASEAN,.. Các Công ước quốc tế và các hiệp định quốc tế là những cơ sở pháp

¹² International Trade Centre (UNCTAD/WTO) & Ministry of Trade of Vietnam, Report on key multilateral treaties affecting trade not ratified by Vietnam- A Cost/benefit analysis, March 2007, tr.3

¹³ Việt Nam đã trở thành thành viên thứ 84 của CISG (tháng 11,2015)

lý quan trọng liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp trong thương mại quốc tế.

1.2.1.2 Luật quốc gia.

Nguồn Luật quốc gia là hệ thống các văn bản pháp luật điều chỉnh về QTCT, trong đó có quản trị công ty TNHH MTV và được áp dụng tuân thủ theo các nguyên tắc nhất định.

Hiện nay Việt Nam xây dựng và ban hành một loạt hệ thống các văn bản pháp luật điều chỉnh về QTCT, trong đó có quản trị công ty TNHH MTV và các vấn đề liên quan như: Bộ luật dân sự (2015), Bộ luật tố tụng dân sự (2015), Bộ luật hình sự (2015), Luật doanh nghiệp (2014), Luật Đầu tư (2014), Luật Phá sản (2014), Luật Hải quan (2014) ...cùng các văn bản hướng dẫn thi hành.

1.2.1.3 Thói quen trong thương mại

Thói quen trong hoạt động thương mại là quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng được hình thành và lặp lại nhiều lần trong một thời gian dài giữa các bên, được các bên mặc nhiên thừa nhận để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng thương mại¹⁴. Theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật thương mại năm 2005 thì việc áp dụng thói quen thương mại và tập quán thương mại phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau: Trừ trường hợp có thoả thuận khác, các bên được coi là mặc nhiên áp dụng thói quen trong hoạt động thương mại đã được thiết lập giữa các bên đó mà các bên đã biết hoặc phải biết nhưng không được trái với quy định của pháp luật. Trường hợp pháp luật không có quy định, các bên không có thoả thuận và không có thói quen đã được thiết lập giữa các bên thì áp dụng tập quán thương mại nhưng không được trái với những nguyên tắc quy định trong Luật này và trong Bộ luật Dân sự.

¹⁴ Điều 3 Luật Thương mại năm 2005.

1.2.1.4 Tập quán quốc tế

Tập quán quốc tế là các quy tắc chính thức của một khu vực hay của phòng thương mại quốc tế (UCP, Incoterm) về giải thích các điều kiện thương mại, tạo điều kiện cho giao dịch thương mại khu vực và quốc tế liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, để đảm bảo rằng nó sẽ được diễn ra một cách trôi chảy. Việc dẫn chiếu các tập quán này trong QTCT sẽ phân định rõ ràng nghĩa vụ tương ứng của các bên và làm giảm nguy cơ rắc rối về mặt pháp lý.

Các tập quán trong thương mại và liên quan đến doanh nghiệp được chia thành ba nhóm: tập quán có tính chất nguyên tắc, các tập quán thương mại quốc tế chung và tập quán thương mại khu vực. Những tập quán có tính chất nguyên tắc là những tập quán cơ bản, bao trùm, hình thành trên cơ sở tôn trọng chủ quyền quốc gia và bình đẳng giữa các dân tộc. Tập quán thương mại quốc tế chung là các tập quán thương mại được nhiều quốc gia công nhận và được áp dụng thường xuyên, ở nhiều nơi, nhiều khu vực khác nhau. Các tập quán thương mại khu vực là những tập quán hình thành ở từng khu vực, mang đặc trưng của riêng khu vực đó, được các nước trong khu vực công nhận và áp dụng thường xuyên.

1.2.1.5 Tiền lệ pháp

Tiền lệ pháp hay còn gọi là án lệ được hình thành từ thực tiễn xét xử của Tòa án. Tại các nước theo hệ thống pháp luật Common Law như Anh, Mỹ, các tòa án thường sử dụng một hoặc một số phán quyết của tòa án đã được công bố để làm khuôn mẫu áp dụng cho việc giải quyết tranh chấp tương tự. Trong lĩnh vực doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, việc công nhận và sử dụng các phán quyết của Tòa án cũng như thừa nhận vai trò tích cực của các án lệ đang có xu hướng gia tăng tại các nước có hệ thống pháp luật khác nhau.

Đối với Việt Nam, việc áp dụng các nguồn luật trên được quy định cũng khá cụ thể theo hướng ưu tiên cho phép ưu tiên áp dụng các Điều ước quốc tế và tập quán quốc tế về doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp nếu trong luật pháp Việt Nam có quy định về cùng vấn đề đó hoặc quy định trái với những điều trong điều ước quốc tế hay tập quán quốc tế. Tuy nhiên, cần phải hiểu ở đây chỉ áp dụng Điều ước quốc tế hay tập quán quốc tế nếu như có cách giải quyết khác so với luật quốc gia, tức là nó không được trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Nếu những quy định trong Điều ước quốc tế hay tập quán quốc tế đó đi ngược lại với thuần phong mỹ tục của dân tộc thì những quy định đó không được áp dụng.

1.2.2. Khái niệm và nội dung của pháp luật về quản trị công ty

1.2.2.1 Khái lược lịch sử hình thành và phát triển pháp luật về công ty và quản trị công ty

Việt Nam bắt đầu thực hiện đổi mới từ nửa cuối thập niên 1980, với mong muốn xóa bỏ dần cơ cấu bao cấp quan liêu của nền kinh tế kế hoạch hóa, phát triển nền kinh tế năng động và hiện đại hơn. Một chủ trương lớn của chính phủ Việt Nam là hướng đến tự do hóa thương mại và thúc đẩy kinh tế tư nhân. Với nhiều biện pháp "xé rào", giải tỏa bớt các rào cản cho kinh tế tự do lưu thông, nền kinh tế Việt Nam nói chung, trong đó chủ yếu là kinh tế cá thể tư nhân bắt đầu phát triển mạnh. Nhưng những thành phần kinh tế tư nhân này còn rất manh mún. Việc thành lập công ty, doanh nghiệp phải trải qua "cả rừng" giấy tờ, con dấu các loại cùng vô số thủ tục "xin-cho" khác. Dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng sức phát triển của khu vực kinh tế tư nhân vô cùng mạnh mẽ. Tính đến ngày 31-12-1996, Việt Nam có 1.439.683 đơn vị kinh doanh tư nhân, trong đó gồm 1.412.166 cá nhân và nhóm kinh doanh, 17.535 doanh nghiệp tư nhân, 6.883 công ty trách nhiệm hữu hạn, 153 công ty cổ

phần và 2.946 hợp tác xã. Xuất phát từ nhu cầu quản lý sự phát triển mạnh mẽ của khối kinh tế tư nhân, Luật Công ty năm 1990 và Luật Doanh nghiệp tư nhân năm 1990 ra đời (cùng được Quốc hội Khóa VIII thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1990) là các văn bản pháp lý đầu tiên cho phép thành lập các tổ chức kinh tế thuộc tư hữu, bao gồm các loại hình là: công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần (thành lập theo Luật Công ty) và doanh nghiệp tư nhân (thành lập theo Luật Doanh nghiệp tư nhân). Tuy nhiên, phải đến năm 1992, Quốc hội mới thông qua Hiến pháp mới, công nhận: "*Công dân có quyền tự do kinh doanh theo quy định pháp luật*"¹⁵. Qua đó đưa Luật Doanh nghiệp tư nhân, Luật công ty thực sự đi vào hoạt động.

Luật Doanh nghiệp năm 1999 được Quốc hội Khóa X thông qua ngày 12 tháng 6 năm 1999, thay thế Luật Công ty năm 1990 và Luật Doanh nghiệp tư nhân năm 1990, quy định chi tiết hơn các loại hình tổ chức kinh tế tư hữu đã có trước đó (công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và doanh nghiệp tư nhân) và bổ sung thêm một loại hình mới là công ty hợp danh. Luật Doanh nghiệp 1999 cũng lần đầu tiên quy định về hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, nhưng quy định chủ sở hữu của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chỉ có thể là tổ chức. Ngoài ra, theo Luật Doanh nghiệp năm 1999 thì công ty hợp danh không có tư cách pháp nhân. Bên cạnh việc ban hành các quy định về quản lý doanh nghiệp thuộc tư hữu, ngày 20 tháng 04 năm 1995 Quốc hội Khóa IX đã thông qua Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 1995 để quy định cụ thể việc thành lập và quản lý phần vốn của nhà nước đầu tư trong các doanh nghiệp nhà nước, mà trước đó mới chỉ được điều chỉnh bởi các Nghị định và hướng dẫn của Chính phủ. Các doanh nghiệp nhà nước được tổ chức theo mô hình quản lý riêng, không giống như mô hình quản lý của các doanh nghiệp thuộc tư hữu.

¹⁵ Điều 57 Hiến pháp năm 1992.

Ngày 29 tháng 11 năm 2005 Quốc hội Khóa XI đã thông qua Luật Doanh nghiệp năm 2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 2006. Luật Doanh nghiệp năm 2005 đã thống nhất các quy định về thành lập và quản lý các doanh nghiệp, gần như không còn sự phân biệt là doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước hay sở hữu tư nhân về phương diện tổ chức quản trị. Luật Doanh nghiệp năm 2005 đã thay thế Luật Doanh nghiệp năm 1999; Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 166 của Luật này.

Thực tế cho thấy Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành đã có những tác động tích cực trong tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng; thúc đẩy huy động vốn, phát triển và mở rộng kinh doanh của các doanh nghiệp; góp phần duy trì tăng trưởng và giải quyết các vấn đề xã hội. Tuy nhiên, đánh giá thực hiện Luật doanh nghiệp (2005) trong hơn 8 năm qua cho thấy Luật doanh nghiệp bộc lộ những khiếm khuyết, gây ra khó khăn, vướng mắc, hạn chế việc hoàn thiện và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh nói chung và phát triển doanh nghiệp nói riêng. Luật doanh nghiệp (2005) với 172 điều đã ghi nhận những điểm tiến bộ trong quá trình thực thi pháp luật về doanh nghiệp tại Việt Nam trong giai đoạn đó. Tuy nhiên, Luật doanh nghiệp 2005 cũng đã bộc lộ một số khiếm khuyết, đã làm cho gia nhập thị trường, khởi sự kinh doanh và rút khỏi thị trường ở nước ta trở nên phức tạp và tốn kém hơn mức cần thiết, hạn chế quyền tự do kinh doanh của người dân và doanh nghiệp, không còn phù hợp với Hiến pháp năm 2013. Những khiếm khuyết đó cũng đã làm cho việc quản trị doanh nghiệp nói chung, nhất là CTCP, công ty TNHH trở nên kém linh hoạt, tăng thêm chi phí tuân thủ và làm chậm quá trình ra quyết định của doanh nghiệp, v.v... Thực tế nói trên đã và đang làm cho môi trường kinh doanh ở nước ta luôn bị đánh giá ở mức không cao trong các bảng xếp hạng về năng lực cạnh

tranh và môi trường kinh doanh. Vì vậy, việc bổ sung, sửa đổi nhằm khắc phục các khiếm khuyết trong nội dung các quy định có liên quan của Luật doanh nghiệp 2005 là nhu cầu thực tiễn cần thiết; đồng thời, góp phần triển khai Hiến pháp 2013, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020, Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 30/1/2008 về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Kết luận 50-KL/TW ngày 29/10/2012 về sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước và Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế. Chính vì vậy, việc xây dựng và ban hành Luật doanh nghiệp (2014) là một đòi hỏi tất yếu trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, đặc biệt là trong giai đoạn Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của WTO, tham gia đàm phán, ký kết các Hiệp định Thương mại tự do (FTA). Bên cạnh các doanh nghiệp như doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp xã hội, Luật doanh nghiệp (2014) quy định về ba mô hình công ty truyền thống bao gồm: công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh. Luật doanh nghiệp (2014) đã ghi nhận những điểm mới so với Luật doanh nghiệp (2005), trong đó có vấn đề quản trị công ty phù hợp với mô hình quản trị công ty quốc tế hiện nay.

1.2.2.2 Khái niệm và nội dung pháp luật về quản trị công ty

Khái niệm pháp luật quản trị công ty TNHH MTV.

Pháp luật về doanh nghiệp điều chỉnh các quan hệ về tổ chức hoạt động của doanh nghiệp, trong đó bộ phận trụ cột là tổ chức, quản lý nội bộ công ty. Các quan hệ xã hội về tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phát sinh trực tiếp từ quá trình tạo lập, duy trì, biến đổi và chấm dứt tư cách pháp lý của doanh nghiệp (thành lập và đăng kí kinh doanh, tổ chức quản lý nội bộ của doanh nghiệp, tạo lập cơ cấu vốn, tổ chức lại giải thể doanh nghiệp,...).

Trong đó, pháp luật về quản trị công ty TNHH MTV là bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống pháp luật về doanh nghiệp.

Pháp luật về quản trị công ty TNHH MTV là tổng hợp các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức, quản lý và điều hành công ty.

Nội dung cơ bản của pháp luật quản trị công ty TNHH MTV

Pháp luật quản trị công ty TNHH MTV của Việt Nam có cơ cấu gồm các bộ phận chủ yếu sau:

- Quy định các nguyên tắc quản trị công ty. Nguyên tắc nguyên tắc quản trị công ty là những tư tưởng pháp lý chủ đạo, có tính bắt buộc chung, thể hiện quan điểm có tính định hướng của Nhà nước trong việc xác định hệ thống các cơ quan trong tổ chức, quản lý công ty được quy định trong pháp luật về doanh nghiệp. Theo đó, mỗi một doanh nghiệp có các mô hình quản trị công ty khác nhau. Đối với công ty TNHH MTV, hệ thống các cơ quan trong quản trị nội bộ công ty được xây dựng trên cơ sở tính chất chủ sở hữu công ty thuộc một cá nhân hoặc một tổ chức. Chủ sở hữu quyết định xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống các cơ quan trong công ty theo các mô hình Chủ tịch công ty, hoặc Hội đồng thành viên công ty. Nguyên tắc quản trị công ty đảm bảo một cách tốt nhất việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của thành viên trong vấn đề hướng tới lợi ích của toàn công ty.

- Các quy định về chủ sở hữu, về thành viên, người quản lý công ty. Pháp luật về quản trị công ty quy định về các mô hình tổ chức, quản lý công ty ; điều kiện tiêu chuẩn hay sự tiếp nhận, thay đổi thành viên cũng như chấm dứt tư cách thành viên công ty. Mỗi loại thành viên có tư cách pháp lý trong quá trình thực hiện các quyền, nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ công ty và theo quy định của pháp luật.

- Các quy định về hệ thống các cơ quan tổ chức, quản lý của công ty. Các quy định về hệ thống cơ quan tổ chức, quản lý công ty nhằm xác định định rõ về thành phần, chức năng và nhiệm vụ của từng cơ quan trong hệ thống quản trị công ty, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp.

Kết luận chương 1

Công ty TNHH một thành viên ngày càng được khuyến khích phát triển, đặc biệt Luật doanh nghiệp 2014 đã thừa nhận công ty TNHH một thành viên với chủ sở hữu là một tổ chức hay một cá nhân. Khi Luật doanh nghiệp 2014 có hiệu lực sẽ làm tăng khả năng lựa chọn loại hình doanh nghiệp, các cá nhân có thể tự mình độc lập thành lập công ty TNHH, có tư cách pháp nhân để tham gia vào thương trường. Quản trị công ty đóng góp quan trọng trong sự phát triển kinh tế của doanh nghiệp. cũng như kinh tế nước nhà.

Chương 2
THỰC TRẠNG ÁP DỤNG LUẬT DOANH NGHIỆP 2014 VỀ QUẢN
TRỊ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN Ở VIỆT NAM

2.1. Các quy định của Luật Doanh nghiệp (2014) về quản trị công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Như tác giả đã đề cập trong phạm vi nghiên cứu và phân tích tại chương 1 của luận văn, quản trị công ty TNHH MTV bao gồm quản trị bên trong (quản trị nội bộ) và quản trị bên ngoài công ty. Trong chương 2, tác giả tập trung tiếp cận, nghiên cứu những quy định về quản trị nội bộ công ty TNHH MTV. Các quy định về quản trị nội bộ công ty TNHH MTV gắn liền với từng loại hình công ty, vào chủ sở hữu công ty là tổ chức hay cá nhân.

2.1.1. Quản trị nội bộ công ty TNHH do tổ chức làm chủ sở hữu

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu được tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây:

- Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên;
- Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên.

2.1.1.1 Mô hình Hội đồng thành viên.

Theo mô hình này thì cơ cấu tổ chức công ty sẽ bao gồm: Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên.

Hội đồng thành viên

Thành viên Hội đồng thành viên do chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm gồm từ 03 đến 07 thành viên với nhiệm kỳ không quá 05 năm¹⁶. Hội đồng thành viên nhân danh chủ sở hữu công ty thực hiện các quyền và nghĩa

¹⁶ Điều 79 Luật Doanh nghiệp (2014)

vụ của chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty.

Quyền, nghĩa vụ và quan hệ làm việc của Hội đồng thành viên đối với chủ sở hữu công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan. Cuộc họp của Hội đồng thành viên công ty TNHH MTV do tổ chức là chủ sở hữu được tiến hành trên cơ sở số thành viên tham dự ít nhất hai phần ba tổng số thành viên công ty dự họp, mà không cần họ đại diện bao nhiêu vốn điều lệ. Tuy nhiên, đối với điều kiện họp lệ của HĐQT công ty TNHH MTV trở lên được quy định khoản 1, điều 59 LDN thì căn cứ vào hai tiêu chí: số lượng thành viên và tỷ lệ vốn sở hữu của thành viên trong công ty. Theo đó, cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có số thành viên dự họp sở hữu ít nhất 65% vốn điều lệ; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định¹⁷

Cách thức biểu quyết thông qua Nghị quyết của công ty TNHH MTV và công ty TNHH MTV trở lên cũng khác nhau. Đối với công ty TNHH MTV thì việc bầu bán hay thông qua các quyết định tại HĐQT được áp dụng theo nguyên tắc tư cách pháp lý của thành viên (mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết có giá trị như nhau), trừ Điều lệ công ty không có quy định khác. Hội đồng thành viên có thể thông qua quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Đối với công ty TNHH MTV trở lên, Nghị quyết của Hội đồng thành viên được thông qua tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây: Được số phiếu đại diện ít nhất 65% tổng số vốn góp của các thành viên dự họp tán thành; đối với quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty; sửa đổi, bổ sung

¹⁷ Khoản 1, điều 59 LDN (2014)

Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty thì phải ược số phiếu đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp của các thành viên dự họp tán thành¹⁸

Nghị quyết của Hội đồng thành viên được thông qua khi có hơn một nửa số thành viên dự họp tán thành. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, tổ chức lại công ty, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty phải được ít nhất ba phần tư số thành viên dự họp tán thành. Nghị quyết của Hội đồng thành viên có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày ghi tại nghị quyết đó, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản, có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Nội dung biên bản họp Hội đồng thành viên áp dụng theo quy định tại Điều 61 của Luật Doanh nghiệp. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản, có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

Bên cạnh đó, Luật Doanh nghiệp năm 2014 cũng quy định về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như trong mối quan hệ giữa làm việc của Hội đồng thành viên đối với chủ sở hữu công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

Chủ tịch Hội đồng thành viên. Chủ tịch HĐQT là người đứng đầu HĐQT. Chủ tịch Hội đồng thành viên do chủ sở hữu bổ nhiệm hoặc do các thành viên Hội đồng thành viên bầu theo nguyên tắc quá bán, theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ công ty. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên không quá 05 năm. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Chủ tịch Hội đồng thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau đây (trừ trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác): Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên; Chuẩn bị chương

¹⁸ Khoản 3, Điều 60 LDN (2014)

trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên; Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên; Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng thành viên;.....

Chủ tịch HĐQTV có quyền ủy quyền cho một thành viên thực hiện quyền, nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ công ty.

Giám đốc (Tổng giám đốc)

Giám đốc (Tổng giám đốc) là người trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Giám đốc do Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm hoặc được thuê. Giám đốc (Tổng giám đốc) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp; Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh của công ty, nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

Nhiệm kỳ Giám đốc (Tổng giám đốc) không quá 05 năm để điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty có thể kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trừ trường hợp pháp luật, Điều lệ công ty có quy định khác. Giám đốc (Tổng giám đốc) có các quyền và nghĩa vụ chủ yếu như: Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty; Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty; Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty; Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý trong công ty, trừ các đối tượng thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên hoặc Chủ

tịch công ty; Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;.....

Kiểm soát viên

Kiểm soát viên do Chủ sở hữu công ty quyết định bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của KSV không quá 05 năm. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp; KSV không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên; KSV có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành, nghề kinh doanh của công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.

Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Kiểm soát viên có các quyền và nghĩa như: Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cân trọng của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của công ty; Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình chủ sở hữu công ty hoặc cơ quan nhà nước có liên quan; trình chủ sở hữu công ty báo cáo thẩm định; Kiến nghị chủ sở hữu công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của công ty;.....

2.2.1.2 Mô hình Hội đồng thành viên.

Mô hình này bao gồm: Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên.

Chủ tịch công ty do chủ sở hữu bổ nhiệm. Chủ tịch công ty nhân danh chủ sở hữu thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật này, pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Quyền, nghĩa vụ và chế độ làm việc của Chủ tịch công ty đối với chủ sở hữu công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật này và pháp luật có liên quan.

Quyết định của Chủ tịch công ty về thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty có hiệu lực kể từ ngày được chủ sở hữu công ty phê duyệt, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và chủ sở hữu công ty.

Trung thành với lợi ích của công ty và chủ sở hữu công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ sở hữu hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

2.1.2. Quản trị nội bộ công ty TNHH do cá nhân làm chủ sở hữu

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu có Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc¹⁹. Như vậy, công ty TNHHMTV do một cá nhân làm chủ sở hữu là doanh nghiệp một chủ như doanh nghiệp tư nhân. Tuy nhiên, đối với mô hình doanh nghiệp tư nhân thì cơ cấu tổ chức, quản lý doanh nghiệp tư nhân chỉ bao gồm: Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

Chủ tịch công ty có thể kiêm nhiệm hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Đối với doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu doanh nghiệp có thể đồng thời là Giám đốc doanh nghiệp hoặc cũng có thể thuê người khác làm giám đốc điều hành doanh nghiệp tư nhân, thông qua việc ký hợp đồng lao động. Chủ doanh nghiệp tư nhân vẫn phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của doanh nghiệp trước pháp luật.

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty được thực hiện các quyền, nghĩa vụ của được quy định tại Điều lệ công ty, hợp đồng lao động mà Giám đốc hoặc Tổng giám đốc ký với Chủ tịch công ty. Tuy nhiên, khi lựa chọn người ký kết hợp đồng để trở thành giám đốc công ty cần phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và theo những cam kết với Chủ tịch công ty.

2.2. Quản trị công ty TNHHMTV trong tương quan so sánh với các loại hình doanh nghiệp khác.

2.2.1. Những điểm giống nhau

Thứ nhất, về thành viên công ty. Công ty TNHHMTV, công ty cổ phần có thành viên là tổ chức, cá nhân đáp ứng các quy định của pháp luật và không vi phạm quy định tại điều 18 Luật Doanh nghiệp. Thành viên công ty có thể là nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài. Việc góp vốn thành lập hoặc

¹⁹ Điều 85 Luật Doanh nghiệp (2014)

trong quá trình công ty hoạt động được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và Điều lệ công ty. Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 48 của Luật doanh nghiệp. Chủ sở hữu của công ty TNHH MTV có thể là một tổ chức hoặc một cá nhân. Đây cũng là điểm khác so với doanh nghiệp một chủ khác như DNTN, chủ sở hữu DNTN chỉ là một cá nhân, mỗi một cá nhân chỉ có quyền thành lập một DNTN.

Trong quá trình công ty hoạt động, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên và của công ty, các thành viên công ty tự mình, hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ của người quản lý trong các trường hợp sau đây: a) Vi phạm quy định tại Điều 71 của Luật này; b) Không thực hiện đúng và đầy đủ hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty về các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng thành viên; c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp thành viên khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện²⁰.

Thứ hai, về tư cách pháp lý. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty hợp danh và công ty cổ phần, đều là doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành

²⁰ Điều 72 Luật doanh nghiệp (2014).

lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh²¹. Điểm cốt lõi để xác định công ty TNHH MTV và các loại hình công ty khác có tư cách pháp nhân, đó là do có sự tách bạch tài sản giữa tài sản của công ty với tài sản của thành viên hay chủ sở hữu công ty. Đồng thời đây cũng là một nội dung khác với doanh nghiệp tư nhân, trong doanh nghiệp tư nhân không có sự phân tách tài sản của doanh nghiệp và tài sản chủ sở hữu doanh nghiệp. Đối với DNTN thì doanh nghiệp tư nhân không có tư cách pháp nhân vì không đáp ứng đầy đủ các quy định của một tổ chức có tư cách pháp nhân tại điều 94 BLDS năm 2015.

Thứ ba, về người đại diện cho công ty trước pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Công ty phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Thông thường, người đại diện cho công ty là Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty. Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp²². Quy định này là một trong những điểm mới được quy định tại Luật doanh nghiệp năm 2014 so với Luật doanh nghiệp năm 2005 về cơ chế nhiều người đại diện.

Thứ tư, về hệ thống tổ chức, quản lý công ty về phân chia quyền lực, kiểm soát trong công ty. Việc phân chia quyền lực và kiểm soát công ty TNHH MTV, công ty TNHH MTV, CTCP và CTHD thuộc về các chủ sở hữu

²¹ Điều 4 Luật doanh nghiệp (2014).

²² Điều 13 Luật doanh nghiệp (2014).

công ty hoặc đồng chủ sở hữu công ty, tuân thủ theo pháp luật và Điều lệ công ty.

Công ty TNHHHTV, công ty TNHHMTV và CTHD có thể được tổ chức, quản lý theo mô hình gồm các cơ quan: Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên. Mỗi một cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của mình để đảm bảo vận hành tốt nhất bộ máy hoạt động công ty.

2.2.2. Những điểm khác biệt giữa công ty TNHHMTV với các loại hình doanh nghiệp khác.

Một là, về vốn của công ty. Góp vốn là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty. Góp vốn bao gồm góp vốn để thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của công ty đã được thành lập. Công ty TNHHHTV, CTCP được hình thành trên cơ sở vốn góp của thành viên khi thành lập công ty cũng như trong quá trình công ty hoạt động. Vốn điều lệ của công ty TNHHHTV không nhất thiết phải thể hiện dưới hình thức các cổ phần. Đối với công ty cổ phần thì vốn, tài sản của công ty phải thể hiện dưới hình thức cổ phần. Đối với công ty TNHHMTV thì vốn đầu tư thành lập thuộc quyền của chủ sở hữu công ty. Việc góp vốn thành lập công ty TNHHMTV phải thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản, từ sở hữu tài sản của tổ chức, cá nhân sang sở hữu công ty. Điều này khác biệt so với DNTN, khi thành lập DNTN chủ sở hữu không phải thực hiện việc chuyển quyền sở hữu tài sản của cá nhân sang sở hữu của DNTN.

Hai là, về tổ chức, quản lý công ty. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Công ty trách nhiệm hữu hạn có từ 11 thành viên trở lên phải thành lập Ban kiểm soát; trường hợp có ít hơn 11 thành viên, có thể thành lập Ban kiểm soát phù hợp với yêu cầu quản trị công ty. Quyền,

nghĩa vụ, tiêu chuẩn, điều kiện và chế độ làm việc của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định²³. Đối với CTCP thì việc lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động là quyền của công ty. Công ty có quyền lựa chọn theo một trong hai mô hình sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác: a) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát; b) Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Các thành viên độc lập thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty²⁴. Đây là một quy định mới về mô hình quản trị công ty cổ phần được quy định tại luật doanh nghiệp năm 2014 so với luật doanh nghiệp năm 2005.

Công ty TNHH MTV, chủ sở hữu công ty là một tổ chức hoặc cá nhân. Do đó, cơ cấu tổ chức, quản lý công ty sẽ gắn liền với từng loại chủ sở hữu khác nhau. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu được tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau: Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên; hoặc Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình Chủ tịch công ty. Đây cũng là điểm khác so với DNTN dưới góc độ tổ chức, quản lý DNTN. Việc tổ chức, quản lý DNTN hoàn toàn do chủ sở hữu DNTN quyết định tùy thuộc vào điều kiện, khả năng hay mở rộng phạm vi hoạt động của doanh nghiệp.

²³ Điều 55 Luật doanh nghiệp (2014).

²⁴ Điều 134 Luật doanh nghiệp (2014).

Ba là, về thành viên. Đối với công ty TNHHHTV thì thành viên của công ty có thể là tổ chức, cá nhân, số lượng không vượt quá 50 thành viên; trong khi đó thành viên hợp danh của công ty hợp danh chỉ là các cá nhân (ít nhất 2 cá nhân), luật không quy định về số lượng thành viên hợp danh tối đa. Đặc biệt là trong công ty luật hợp danh thì thành viên hợp danh phải là các luật sư.²⁵Tuy nhiên, công ty TNHHMTV thì chủ sở hữu công ty là một, chủ sở hữu có thể một cá nhân hoặc một tổ chức.

Bốn là, về người đại diện cho công ty trước pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Công ty phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Thông thường, người đại diện cho công ty là Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty. Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp²⁶. Quy định này là một trong những điểm mới được quy định tại Luật doanh nghiệp năm 2014 so với Luật doanh nghiệp năm 2005 về cơ chế nhiều người đại diện.

2.3 Những rủi ro pháp lý khi áp dụng pháp luật quản trị công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Thứ nhất, rủi ro khi thay đổi chủ sở hữu. Luật Doanh nghiệp quy định rằng: trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân bị tạm giam, bị kết án tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề theo quy định của pháp luật, thành

²⁵ Điều 34 Luật luật sư năm 2006.

²⁶ Điều 13 Luật doanh nghiệp (2014).

viên đó ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty. Việc ủy quyền được thực hiện theo quy định của Bộ Luật Dân sự, Điều lệ công ty. Vấn đề cần làm rõ ở chỗ xác định ủy quyền, nội dung, phạm vi ủy quyền như thế nào? Đồng thời cần xác định người nhận ủy quyền là ai? Họ có đáp ứng các điều kiện của pháp luật và thực tế của công ty hay không? Thậm chí, trong trường hợp không ai nhận việc ủy quyền đó thì sẽ giải quyết ra sao?

Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật là chủ sở hữu hoặc thành viên của công ty. Vấn đề đặt ra là trong trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân chết nhưng có nhiều người thừa kế thì giải quyết ra sao? Liệu có phải thực hiện qua cơ chế đại diện, ủy quyền hay không? Và trường hợp giữa những người thừa kế không thống nhất được thì bài toán giải quyết sẽ phức tạp. Có lẽ đây cũng là một rủi ro trong hoạt động quản trị công ty.

Thứ hai, việc chỉ định người đại diện. Trong một số trường hợp đặc biệt, Tòa án có thẩm quyền có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật trong quá trình tố tụng tại Tòa án²⁷. Vấn đề đặt ra ở chỗ: quyền chỉ định người đại diện cho công ty thuộc quyền của Tòa án nhưng liệu người mà tòa án chỉ định như vậy có đáp ứng và khả năng thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 14 LDN và Điều lệ công ty được hay không?. Đồng thời, việc chỉ định người đại diện của Tòa án có đúng với yêu cầu của chủ sở hữu hay không? Bởi luật cũng không quy định rõ trường hợp cần thiết là trường hợp nào? Những quyết định của người đại diện trong trường hợp này có thể sẽ mang lại những hậu quả xấu cho hoạt động của công ty.

²⁷ Điều 13 Luật doanh nghiệp (2014).

Thứ ba, rủi ro trong vấn đề bóc tách tài sản của chủ sở hữu với tài sản công ty. Theo quy định tại Điều 76 Luật Doanh nghiệp thì việc bóc tách tài sản giữa tài sản của chủ sở hữu với tài sản công ty là một nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty. Việc tách bạch giữa các chi tiêu của cá nhân và gia đình mình với các chi tiêu trên cương vị là Chủ tịch công ty và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là cần thiết vì: (i) thể hiện bản chất của pháp nhân là tài sản của chủ sở hữu với tài sản pháp nhân nhằm minh bạch tài sản; (ii) Việc bóc tách tài sản đảm bảo hạn chế những hành vi vi phạm pháp luật như lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc đưa ra các quyết định làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động công ty và (iii) phân tách tài sản của chủ sở hữu với chi tiêu cá nhân, gia đình góp phần trong việc giải quyết các tranh chấp phát sinh cũng như việc áp dụng pháp sản đối với công ty theo quy định của pháp luật.

Thứ tư, rủi ro khi có sự tham gia của thành viên là nhà đầu tư nước ngoài. Trong điều kiện hội nhập quốc tế thì sự gia nhập thị trường của các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam là một tất yếu. Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam. Theo đó, nhà đầu tư nước ngoài được đầu tư thông qua các hình thức như thành lập tổ chức kinh tế (trong đó có công ty TNHH MTV) hoặc đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế²⁸ và một số hình thức đầu tư khác. Bên cạnh đó, về nguyên tắc thì nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu vốn điều lệ không hạn chế trong tổ chức kinh tế, trừ một số trường hợp²⁹. Tại Khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư (2014) quy định về Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng BCC thuộc một trong các trường hợp sau

²⁸ Điều 22, Điều 24 Luật Đầu tư (2014).

²⁹ Khoản 3 Điều 22 Luật Đầu tư (2014).

đây: a) Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; b) Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; c) Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51 % vốn điều lệ trở lên.

Như vậy, trong việc đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài vào tổ chức kinh tế Việt Nam thì tùy thuộc vào khả năng tài chính của nhà đầu tư, đáp ứng quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư (Việt Nam). Trên thực tế thì tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong công ty có thể rất lớn, đó là chưa tính đến những giao dịch ngầm mà nhà đầu tư trong nước chỉ đứng tên về mặt hình thức, còn chủ thực sự lại là người nước ngoài. Bản chất pháp lý của công ty TNHH MTV là một loại hình công ty đối vốn thì quyền lực công ty gắn liền chế độ sở hữu, chế độ chủ sở hữu công ty. Theo quy định thì chủ sở hữu công ty TNHH MTV có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty. Như vậy, việc chuyển nhượng phần vốn của chủ sở hữu có thể làm thay đổi loại hình công ty và theo đó nếu trường hợp công ty đó có phần vốn góp của nhà đầu tư chiếm tỷ lệ % lớn thì quyền tổ chức, quản lý và kiểm soát công ty thuộc về nhà đầu tư nước ngoài. Đây là một trong những rủi ro và cũng là thách thức trong QTCT khi có sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài.

2.4. Thực tiễn thi hành Luật Doanh nghiệp về quản trị nội bộ công ty TNHH MTV ở Việt Nam

2.4.1. Những kết quả đạt được

2.4.1.1. Kết quả chung

Luật Doanh nghiệp (2014) có hiệu lực từ 1/7/2015. Qua hơn một năm thi hành đã đạt được những thành công nhất định trên các phương diện về đăng ký thành lập, các lĩnh vực đầu tư kinh doanh,..Cụ thể:

Năm 2014, tổng số doanh nghiệp được thành lập mới là 47.450, với tổng vốn đầu tư đăng ký là 289.792 tỷ đồng. Trong đó, số doanh nghiệp gặp khó khăn, tạm ngừng hoạt động: 44.509; số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể: 6.365 và số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động: 10.924

Năm 2015, tổng số doanh nghiệp được thành lập mới là 61.350, với tổng vốn đầu tư đăng ký là 376.419 tỷ đồng. Trong đó, số doanh nghiệp gặp khó khăn, tạm ngừng hoạt động: 39.056; số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể: 6.290 và số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động: 11.333

Năm 2016, tổng số doanh nghiệp được thành lập mới là 73.404, với tổng vốn đầu tư đăng ký là 567.926 tỷ đồng. Trong đó, số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể: 7.479 và số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động: 18.711³⁰.

Đặc biệt, trong 7 tháng đầu năm 2016, tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động của cả nước là 80.828 doanh nghiệp, trong đó: có 64.122 doanh nghiệp thành lập mới và 16.706 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động. Số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn trong 7 tháng đầu năm 2016 là 13.656 doanh nghiệp, các doanh nghiệp này sau khi kết thúc thời hạn tạm ngừng sẽ quay trở lại tình trạng hoạt động kinh doanh. Số doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục giải thể hoặc

³⁰ <http://www.mpi.gov.vn/congkhaithongtin/Pages/solieudoanhnghiep.aspx>

tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể là 28.972 doanh nghiệp, trong đó: có 6.422 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể và 22.550 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể³¹.

2.4.1.2. Một số nhận xét:

Một là, tình hình số lượng đăng kí thành lập theo chiều hướng tăng. So sánh tình hình doanh nghiệp đăng kí thành lập mới trong 7 tháng đầu năm 2016 phân theo vùng lãnh thổ cho thấy, các vùng đều có số doanh nghiệp đăng kí thành lập mới tăng so với cùng kỳ năm 2015, bao gồm: vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung có 8.958 doanh nghiệp với tỷ lệ tăng nhiều nhất là 30,6%; tiếp đến là Đồng bằng Sông Hồng có 19.321 doanh nghiệp, tăng 25,5%; Trung du và miền núi phía Bắc có 2.449 doanh nghiệp, tăng 22,1%; Đông Nam Bộ có 27.321 doanh nghiệp, tăng 21,7%; Tây Nguyên có 1.538 doanh nghiệp, tăng 21,5% và Đồng bằng Sông Cửu Long có 4.535 doanh nghiệp, tăng 12,3%.

Hai là, Về vốn đăng kí của doanh nghiệp. Vốn đăng kí của doanh nghiệp cho thấy trong 7 tháng đầu năm 2016, vốn đăng kí của doanh nghiệp thành lập mới tại các vùng lãnh thổ đều tăng so với cùng kỳ năm 2015, cụ thể: Tây Nguyên đăng kí 10.372 tỷ đồng có tỷ lệ tăng nhiều nhất là 132,5%; tiếp đến là Đồng bằng Sông Cửu Long đăng kí 45.158 tỷ đồng, tăng 117,1%; Đông Nam Bộ đăng kí 220.671 tỷ đồng, tăng 61,2%; Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung đăng kí 50.831 tỷ đồng, tăng 52,1%; Đồng bằng Sông Hồng

³¹ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/NewsandUpdates/tabid/91/ArticleID/2731/T%C3%8CNH-H%C3%8CNH-CHUNG-V%E1%BB%80-%C4%90%C4%82NG-K%C3%9D-DOANH-NGHI%E1%BB%86P-TH%C3%81NG-7-V%C3%80-7-TH%C3%81NG-%C4%90%E1%BA%A6U-N%C4%82M-2016.aspx>

đăng ký 145.351 tỷ đồng, tăng 40,8% và Trung du và miền núi phía Bắc đăng ký 24.575 tỷ đồng, tăng 9,8%.

Ba là, Mức độ gia nhập thị trường của các nhà đầu tư thông qua thành lập công ty TNHH MTV ngày càng đa dạng so với các doanh nghiệp khác về số lượng, về vốn đầu tư, về sử dụng lao động. Theo Bảng biểu dưới đây cho thấy: về số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới theo loại hình trong tương quan so sánh giữa 7 tháng đầu năm 2016 so với 7 tháng đầu năm 2015 có sự thay đổi khá lớn. Cụ thể, việc đăng ký thành lập doanh nghiệp đều tăng (trừ doanh nghiệp tư nhân có chiều hướng giảm từ 3.207 xuống 2.624 doanh nghiệp), nhất là loại hình công ty TNHH một thành viên. Đối với công ty TNHH MTV, trong 7 tháng đầu năm 2015, số lượng đăng ký thành lập là 26.383, với số vốn là 94.570 tỷ đồng và 200.6 nghìn lao động. Tuy nhiên, sang 7 tháng đầu năm 2016 thì số lượng đăng ký thành lập công ty TNHH MTV, về vốn hay số lao động đều tăng; cụ thể: trong 7 tháng đầu năm 2016, công ty TNHH MTV đăng ký thành lập mới là 34.562 nghìn công ty, số vốn: 182.924 tỷ đồng và số lao động trong các công ty là 417 nghìn người. Như vậy, tỷ trọng vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp cho thấy trong 7 tháng đầu năm 2016, loại hình công ty TNHH 2 TV trở lên và công ty cổ phần có tỷ trọng vốn đăng ký bình quân cao nhất cùng bằng 6,0 tỷ đồng/doanh nghiệp; tiếp đến là công ty TNHH 1 thành viên là 5,3 tỷ đồng/doanh nghiệp; doanh nghiệp tư nhân là 1,5 tỷ đồng/doanh nghiệp và công ty hợp danh là 1,3 tỷ đồng/doanh nghiệp. So với cùng kỳ năm trước, có thể thấy tỷ trọng vốn đăng ký bình quân trên 1 doanh nghiệp của tất cả các loại hình doanh nghiệp đều tăng³².

³² <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/NewsandUpdates/tabid/91/ArticleID/2731/T%C3%8CNH-H%C3%8CNH-CHUNG-V%E1%BB%80-%C4%90%C4%82NG-K%C3%9D-DOANH-NGHI%E1%BB%86P-TH%C3%81NG-7-V%C3%80-7-TH%C3%81NG-%C4%90%E1%BA%A6U-N%C4%82M-2016.aspx>

Bảng 2.1. Số doanh nghiệp, vốn, lao động đăng ký thành lập mới theo loại hình

| TT | Nội dung | 7 tháng đầu năm 2015 | | | 7 tháng đầu năm 2016 | | |
|----|----------------------|-------------------------------|------------------|------------------------|-------------------------------|------------------|------------------------|
| | | Số lượng (doanh nghiệp) | Vốn (tỷ đồng) | Lao động (nghìn) | Số lượng (doanh nghiệp) | Vốn (tỷ đồng) | Lao động (nghìn) |
| 1 | TNHH 1 thành viên | 26.383 | 94.570 | 200,6 | 34.562 | 182.924 | 417 |
| 2 | TNHH 2 thành viên | 14.101 | 96.093 | 174,8 | 16.385 | 97.938 | 176 |
| 3 | Công ty cổ phần | 8.313 | 124.297 | 124,8 | 10.542 | 212.196 | 136 |
| 4 | Doanh nghiệp tư nhân | 3.207 | 6.305 | 19,4 | 2.626 | 3.887 | 15 |
| 5 | Công ty hợp danh | 0 | 0 | 0,0 | 9 | 12 | 0,05 |

2.4.2. Một số bất cập, hạn chế về quản trị công ty TNHH MTV

Thứ nhất, về quyền rút vốn của chủ sở hữu công ty. Công ty TNHH MTV là loại hình doanh nghiệp một chủ sở hữu. Chủ sở hữu công ty đầu tư vốn thành lập và điều hành hoạt động công ty. Chủ sở hữu chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo quy định tại Luật Doanh nghiệp thì chủ sở hữu công ty không nói cách khác, theo quy định thì chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác. Chiếu theo quy định này, phải chăng sẽ hạn chế quyền tự do kinh doanh của chủ sở hữu công ty. Trường hợp chủ sở hữu chuyển toàn bộ vốn cho người khác (tổ chức, cá nhân) sẽ đồng nghĩa với việc chủ sở hữu không thực hiện kinh doanh ở công ty mà họ đã đầu tư thành lập. Chủ sở hữu công ty lúc này thuộc người khác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật. Trường hợp, nếu chuyển một phần vốn cho người khác thì buộc công ty phải thực hiện việc đăng kí, chuyển đổi mô hình công ty theo quy định. Như vậy, chuyển sang mô hình công ty cổ phần hoặc công ty TNHH hai thành viên trở lên sẽ đồng nghĩa với việc chia sẻ quyền lực và

quản lý công ty. Điều mà chủ sở hữu công ty TNHHMTV không mong muốn khi họ đã lựa chọn mô hình công ty này. Mặc dù, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các chủ thể liên quan, pháp luật quy định: trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.

Thứ hai, về việc huy động vốn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 73 Luật Doanh nghiệp năm 2014, công ty TNHHMTV không được phát hành cổ phần để huy động vốn. Tuy nhiên, công ty TNHHMTV có thể phát hành trái phiếu. Bản chất của trái phiếu như một quan hệ vay tài sản giữa doanh nghiệp với người chủ sở hữu trái phiếu, người chủ sở hữu trái phiếu không thể can dự vào việc quản trị công ty như người sở hữu vốn góp. Như vậy, khả năng huy động vốn của công ty là rất hạn chế so với các loại hình doanh nghiệp khác, đặc biệt là công ty cổ phần.

Thứ ba, về lợi nhuận. Theo quy định tại điều 76 Luật Doanh nghiệp thì chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Trong khi đó, việc quy định về nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty rất chặt chẽ. Theo đó, Chủ sở hữu phải góp đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp không góp, không góp đủ, không góp đúng hạn vốn điều lệ thì chủ sở hữu chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty, thiệt hại xảy ra do không góp, không góp đủ, không góp đúng hạn vốn điều lệ. Quy định về việc không được rút lợi nhuận như vậy quá “khắt khe” đối với chủ sở hữu vì trên thực tế có thể đối với khoản nợ hay nghĩa vụ tài chính giữa chủ sở hữu với các chủ nợ có thể thỏa thuận về việc kéo dài thời hạn thanh toán hoặc việc chưa thanh toán

được có thể do các lý do khách quan. Do đó, nếu quy định cứng như vậy có thể ảnh hưởng đến việc điều phối hoạt động công ty cũng như đảm bảo lợi ích của chủ sở hữu. Đồng thời, cần quy định trong trường hợp vì những lý do khách quan, việc chưa thanh toán được khoản nợ thì chủ sở hữu vẫn có quyền rút lợi nhuận.

Thứ tư, Luật Doanh nghiệp năm 2014 vẫn chưa quy định rõ cụ thể ai là người đại diện cho công ty TNHH MTV, vì theo quy định tại Điều 13 thì Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Đối với công ty TNHH MTV thì chủ sở hữu công ty có thể là tổ chức hoặc cá nhân. Tuy nhiên, để đảm bảo sự minh bạch và hiệu quả trong quản trị công ty, cần quy định rõ ai là người đại diện cho công ty trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Chủ sở hữu, Chủ tịch công ty hay Giám đốc công ty?

2.4.3. Nguyên nhân của bất cập, hạn chế về quản trị công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Một là, sự gia nhập vào công ty TNHH MTV ở mức độ hạn chế so với các công ty cổ phần. Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014, công ty TNHH MTV không được phát hành cổ phần để huy động vốn. Điều này đồng nghĩa với việc bằng những quy định tại Luật Doanh nghiệp chưa thu hút được sự đầu tư của người ngoài công ty vào công ty. Tuy nhiên, công ty có thể phát hành trái phiếu để huy động vốn đảm bảo sự tồn tại và phát triển của công ty.

Đồng thời, việc phát hành các loại trái phiếu làm gia tăng chủ nợ đối với công ty và phải tuân thủ những quy định chặt chẽ của pháp luật và Điều lệ công ty.

Hai là, Xuất phát từ các quy định của pháp luật về phân chia quyền lực hay hưởng lợi ích và chịu rủi ro trong công ty. Quyền lực trong công ty hay những rủi ro không có sự chia sẻ trong công ty TNHH MTV vì đây là mô hình doanh nghiệp một chủ. Do đó, việc tổ chức, quản lý công ty được đặt trên cơ sở của niềm tin và ý chí quyết định của chủ sở hữu công ty. Nếu quyết định sai, hậu quả sẽ ảnh hưởng đến lợi ích công ty và chủ sở hữu công ty. Đối với công ty TNHH MTV không có sự liên kết giữa các thành viên, vì vậy tính bền vững của công ty không cao như các loại công ty ỏ phần hay công ty TNHH HTV.

Ba là, Mối quan hệ giữa chủ sở hữu công ty và bộ máy điều hành công ty hay sự chuyên nghiệp trong QTCT chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của một nền quản trị công ty minh bạch, hiệu quả. Sự mất cân xứng giữa trong mối quan hệ sở hữu – điều hành có tác động rất lớn đến hoạt động công ty. Chủ sở hữu quyết định thành lập, bổ nhiệm những hệ thống cơ quan tổ chức và các chức danh quản lý công ty. Tuy nhiên, trên thực tế nếu bộ máy quản lý, điều hành hay trình độ, năng lực của người quản lý yếu kém, ra các quyết định không đúng, không phù hợp cản trở hoạt động công ty. Bên cạnh đó, sự kiểm soát của chủ sở hữu đối với bộ máy tổ chức, quản lý này liệu có đảm bảo đáp ứng chi phối hay định hướng hay không? Thậm chí, những người quản lý vì mục đích không trong sáng có thể thực hiện các hành vi vi phạm cam kết hay lạm dụng quyền lực xâm hại lợi ích công ty và chủ sở hữu công ty.

Do đó, để thúc đẩy sự phát triển ổn định, lâu dài và bền vững của một công ty trong điều kiện mới trên các lĩnh vực kinh doanh khác nhau, với thị phần và thị trường rộng mở đòi hỏi người quản lý công ty không chỉ đáp ứng

về số lượng phụ trách từng lĩnh vực mà cần phải được cải thiện về tư duy, tầm nhìn và năng lực quản lý trong mối quan hệ với chủ sở hữu công ty. Vì vậy, trong chiến lược phát triển ổn định, bền vững công ty cần xây dựng giải pháp thu hút, phát triển đội ngũ quản lý công ty có trình độ, năng lực, có khả năng tiếp cận khoa học quản lý, công nghệ tiên tiến của các nhà quản lý công ty.

Bốn là, Mức độ kiểm soát các hành động có tính chất tư lợi của người quản lý công ty. Trên bình diện chung cho thấy, nhiều công ty thành lập và đưa các thông tin theo quy định nên công thông tin quốc gia. Tuy nhiên, có những sự thay đổi về nhân sự, về người quản lý hay về vốn thì công ty thực hiện việc thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nhưng đối với các bạn hàng khi thực hiện các giao dịch với công ty liệu có thể nắm bắt kịp thời những thông tin của sự thay đổi đó hay không?. Đành rằng trách nhiệm đó thuộc về đối tác phải tìm hiểu trước khi ký các hợp đồng với công ty. Lý thuyết là vậy, nhưng đối với các vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn và/hoặc công nghệ chưa phát triển thì việc kiểm soát đó liệu có đảm bảo hay không? Đây mới chỉ là một số vấn đề mà theo đó có nguy cơ cho các hành vi lạm quyền, vụ lợi hoặc thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật qua các giao dịch có tính chất tư lợi của người quản lý công ty làm ảnh hưởng đến thương hiệu, vị thế công ty và xâm hại tới lợi ích của thành viên, của khách hàng.

Năm là, Sự hợp tác giữa các doanh nghiệp. Việc trao đổi, giao lưu, hợp tác giữa các doanh nghiệp trong nước và với các nhà đầu tư nước ngoài nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và đúc rút những bài học kinh nghiệm về quản trị công ty của nhà quản lý còn hạn chế, không thường xuyên và mang tính nhỏ lẻ. Vì vậy, sự phát triển của công ty ty chưa đảm bảo gắn kết với sự phát triển mang tính toàn diện của cả hệ thống các doanh nghiệp tại địa phương cũng như trong toàn quốc. Số lượng lãnh đạo công ty thông thạo ngoại ngữ, am hiểu pháp luật quốc tế thực tế không nhiều. Điều đó rất ít lãnh đạo công ty có

đủ khả năng trực tiếp tham gia đàm phán, ký kết hợp đồng, giải quyết các tranh chấp (đặc biệt là các tranh chấp quốc tế), do đó ảnh hưởng rất lớn đến việc đưa ra các phán quyết trong hoạt động công ty.

Kết luận chương 2

Nhìn chung, pháp luật nói chung và Luật doanh nghiệp 2014 nói riêng đã có những quy định phù hợp để tạo điều kiện cho chủ doanh nghiệp tham gia vào nền kinh tế thị trường và ngày càng phát huy được thế mạnh của mình. Tuy nhiên, chủ sở hữu công ty cũng phải chịu những hạn chế nhất định đối với quyền của họ, đặc biệt là các quyền quản lý, sử dụng vốn điều lệ. Quản trị công ty luôn đóng vai trò hạn chế sự rủi ro của doanh nghiệp và định hướng phát triển kinh tế doanh nghiệp.

Chương 3
QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN
CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
Ở VIỆT NAM

3.1. Quan điểm của việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về quản trị nội bộ của công ty TNHHMTV ở Việt Nam

Vấn đề hoàn thiện pháp luật về quản trị công ty TNHHMTV nói chung, quản trị nội bộ công ty TNHHMTV ở Việt Nam nói riêng là một đòi hỏi mang tính quy luật trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu. Việc hoàn thiện pháp luật về quản trị nội bộ công ty TNHHMTV cần đặt ra yêu cầu phải xác định được một chương trình tổng thể mang tính khoa học trên phương diện lý luận và thực tiễn. Đây là một nhiệm vụ hết sức khó khăn và phức tạp, đòi hỏi không chỉ có những nỗ lực từ phía Nhà nước mà cần phải nâng cao ý thức của thành viên, nhà quản lý và của cả cộng đồng trong việc xây dựng và thực thi hiệu quả các quy định về quản trị công ty TNHHMTV.

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật quản trị công ty TNHHMTV ở Việt Nam phù hợp với chính sách của Nhà nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Mở rộng kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế là một chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong quá trình đổi mới đất nước. Chủ trương đó được ghi nhận trong các Đại hội của Đảng. Nhằm thực hiện đúng đắn và hiệu quả chủ trương đó, chúng ta đã thực hiện tích cực và chủ động thâm nhập và mở rộng thị trường quốc tế, tiến hành khẩn trương, vững chắc việc đàm phán Hiệp định thương mại với Hoa Kỳ, gia nhập APEC và WTO. Từ năm 1996 đến nay, Việt Nam đã tham gia ký kết khoảng 10 hiệp

định thương mại tự do, trong đó đặc biệt là hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (Hiệp định Việt Nam – EU; Hiệp định TPP). Tầm quan trọng của hội nhập kinh tế quốc tế được tiếp tục khẳng định. Trên tinh thần ấy, chúng ta cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, trong đó có pháp luật về quản trị nội bộ công ty TNHHMTV nhằm nâng cao vị trí, vai trò của công ty, bảo vệ tốt nhất lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và khách hàng. Vai trò của pháp luật về quản trị nội bộ công ty TNHHMTV góp phần đảm bảo cho môi trường cạnh tranh công bằng, lành mạnh. Hoàn thiện pháp luật về quản trị nội bộ công ty TNHHMTV ở Việt Nam luôn theo đúng mục tiêu, đường lối chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, gắn việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc gia nhập trở thành thành viên thứ 84 Công ước Viên 1980 về mua bán hàng hóa quốc tế tạo cho các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, trong đó có công ty TNHHMTV nói riêng những cơ hội mới về mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật quản trị công ty TNHHMTV xuất phát từ đặc điểm của nền kinh tế của Việt Nam, phù hợp với pháp luật của các quốc gia trong khu vực và quốc tế.

Quá trình hình thành và phát triển của pháp luật về quản trị công ty TNHHMTV ở Việt Nam luôn bắt nguồn từ những đòi hỏi khách quan của nền kinh tế, phù hợp với các quy định của khu vực và quốc tế. Mô hình kinh tế thị trường định hướng và được xây dựng ở Việt Nam từ sau Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986). Tuy nhiên, phải đến Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4-2001), Đảng ta mới chính thức đưa ra khái niệm nền kinh tế thị trường định hướng XHCN: "Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước

theo định hướng XHCN; đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN". Vì vậy, trong thời đại ngày nay nhằm thực hiện có kết quả mục tiêu từng bước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội để Việt Nam có thể hội nhập với thế giới rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nhằm thực hiện được mục tiêu đó, Nhà nước cần vừa tạo điều kiện thúc đẩy nền kinh tế hình thành và phát triển, vừa phải tiến hành quản lí và hướng nó theo những mục tiêu đã định. Đồng thời, Nhà nước cũng phải xây dựng các thể chế, thiết chế kinh tế thị trường nhằm làm cho kinh tế thị trường phát triển theo đúng các quy luật khách quan vốn có. Xây dựng, thực hiện và ngày càng hoàn thiện chính sách, pháp luật, trong đó có pháp luật về quản trị nội bộ công ty TNHHMTV luôn là một yêu cầu cấp thiết hiện nay.

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về quản trị công ty TNHHMTV ở Việt Nam phải xuất phát từ những hạn chế, bất cập của thực trạng áp dụng pháp luật về quản trị nội bộ công ty

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đảng ta xác định Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm, "tầm nhìn" tới 20 năm (từ năm 2001 đến năm 2020) nhằm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại". Xuất phát từ quan điểm: "Hệ thống pháp luật phải phản ánh đúng trình độ phát triển của kinh tế - xã hội, nó không thể cao hơn hay thấp hơn trình độ phát triển đó" đặt ra đối với các giải pháp hoàn thiện pháp luật nói chung trong đó có pháp luật quản trị nội bộ công ty TNHHMTV nói riêng phải phụ thuộc trực tiếp vào các điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ. Do đó, hoàn thiện pháp luật quản trị công ty TNHHMTV ở Việt Nam phải

phù hợp với thực trạng nền kinh tế, thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về quản trị công ty TNHHMTV ở Việt Nam. Việc hoàn thiện pháp luật quản trị công ty TNHHMTV ở Việt Nam, một mặt vừa phải bảo đảm phản ánh được đúng thực tiễn, mặt khác phải loại bỏ được những bất cập, hạn chế, tồn tại của những quy định hiện hành; đồng thời phải bổ sung những quy định mới cho phù hợp với các quy định pháp luật khu vực và quốc tế.

3.1.4. Hoàn thiện pháp luật về quản trị công ty TNHHMTV trong xu hướng hoàn thiện hệ thống hoàn thiện pháp luật doanh nghiệp

Hiện nay, hệ thống pháp luật đã căn bản trở thành công cụ quan trọng để Nhà nước quản lý, điều tiết nền kinh tế, tạo tiền đề để thực hiện thành công chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường XHCN và Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Trong đó, hệ thống pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về quản trị công ty TNHHMTV nói riêng đóng vai trò quan trọng trong việc thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước trong hơn 20 năm qua. Hệ thống pháp luật về quản trị công ty TNHHMTV là một bộ phận của hệ thống pháp luật về doanh nghiệp. Hệ thống pháp luật đó được xây dựng, ban hành và thực thi nhằm bảo vệ được lợi ích của nhà nước, tổ chức, cá nhân và khách hàng. Do đó, sự hình thành và phát triển của pháp luật về quản trị nội bộ công ty TNHHMTV với tư cách là một bộ phận của hệ thống pháp luật về doanh nghiệp cũng bị ảnh hưởng và chịu sự chi phối rất nhiều của các bộ phận khác thuộc hệ thống pháp luật: Bộ luật dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, pháp luật về cạnh tranh v.v.. Ngược lại, pháp luật về quản trị nội bộ công ty cũng có những tác động trở lại với tính đồng bộ và sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật. Vì vậy, quá trình hoàn thiện pháp luật về quản trị nội bộ công ty TNHHMTV ở Việt Nam cần phải được đặt trong tổng thể hoàn

thiện đồng bộ với các lĩnh vực pháp luật cấu thành hệ thống pháp luật để xử lý và giải quyết các vấn đề liên quan đến con người, đến lợi ích.

3.2. Những giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về quản trị công ty TNHH MTV ở Việt Nam.

Luật Doanh nghiệp năm 2014 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2015 được coi là một bước cải cách thể chế lần hai nhằm thu hút mạnh mẽ hơn nữa các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, để loại hình công ty TNHH MTV trở thành một hình thức thu hút các nhà đầu tư lựa chọn, đồng thời nhằm tạo nên một hành lang pháp lý thông thoáng cho sự phát triển năng động và đảm bảo quyền tự do kinh doanh của cá nhân, tổ chức việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về quản trị công ty TNHH MTV cần tập trung những nội dung chủ yếu sau đây:

3.2.1. Những giải pháp chung

Thứ nhất, Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật doanh nghiệp và đào tạo nâng cao trình độ, năng lực của người quản lý công ty. Việc thực hiện phải tiến hành một cách đồng bộ, thường xuyên với sự tham gia của các cấp chính quyền, các cơ quan và đoàn thể từ trung ương đến địa phương. Cần tổ chức các lớp học bồi dưỡng chuyên sâu về kiến thức pháp luật doanh nghiệp, về khoa học quản lý công ty cho các lãnh đạo công ty. Việc thực hiện có thể thông qua trực tuyến hoặc tổ chức các lớp học ngắn hạn tại các trung tâm có uy tín, chất lượng. Bên cạnh năng lực, trình độ chuyên môn, người quản lý công ty cần vận dụng những vấn đề về văn hóa, đạo đức trong kinh doanh, về những rủi ro có thể phát sinh đối với công ty trong quá trình hoạt động. Xác định và đưa ra các biện pháp kịp thời để đảm bảo và nâng cao hiệu quả của một nền quản trị công ty.

Thứ hai, Tăng cường đẩy mạnh hoạt động và hướng dẫn thi hành thi hành Luật doanh nghiệp, tập trung giải quyết khó khăn, vướng mắc và nâng cao năng lực quản lý nhà nước; tạo sự chủ động và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Trong tháng 3 năm 2016, số doanh nghiệp được thành lập mới là 9.863 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 72.973 tỷ đồng, tăng 76,6% về số doanh nghiệp và tăng 35,7% về số vốn đăng ký so với tháng 02/2016. Tỷ trọng vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp trong tháng 3 đạt 7,4 tỷ đồng, giảm 23,1% so với tháng trước. Số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong tháng 3 là 123,7 nghìn lao động, tăng 66,3% so với tháng trước. Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể trong tháng 3 của cả nước là 724 doanh nghiệp, giảm 15,5% so với tháng 02 năm 2016. Số doanh nghiệp gặp khó khăn trong tháng 3 là 3.881 doanh nghiệp, giảm 8,8% so với tháng trước, trong đó: 895 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh và 2.986 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể. Số doanh nghiệp tạm ngừng quay trở lại hoạt động trong tháng 3 trên cả nước là 1.960 doanh nghiệp, giảm 22,9% so với tháng 02 năm 2016³³.

Mặc dù Luật doanh nghiệp đã có hiệu lực thi hành hơn một năm (từ 01/07/2015) nhưng đến nay chúng ta mới chỉ xây dựng một số nghị định hướng dẫn như Nghị định số 96/2015/NĐ-CP (chủ yếu hướng dẫn về doanh nghiệp xã hội), Nghị định số 81/2015/NĐ-CP về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước, Nghị định số 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp. Trong đó các vấn đề về các loại hình doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp hay cơ cấu tổ chức, quản lý, quyền, nghĩa vụ của người quản lý hay cổ đông chưa có Nghị định hướng dẫn. Điều đó có thể dẫn đến những cách hiểu không đúng, không thống nhất ảnh hưởng tới việc thực thi Luật doanh

³³ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/NewsandUpdates/tabid/91/ArticleID/2622/T%C3%ACnh-h%C3%ACnh-chung-v%E1%BB%81-%C4%91%C4%83ng-k%C3%BD-doanh-nghi%E1%BB%87p-Th%C3%A1ng-3-v%C3%A0-Qu%C3%BD-I-n%C4%83m-2016.aspx>

nghiệp đồng bộ. Do đó, Chính phủ cần xây dựng và ban hành Nghị định hướng dẫn về các vấn đề này, trong đó có nội dung về quản trị nội bộ công ty TNHHMTV. Điều đó cũng tác động mạnh đến sự phát triển của công ty TNHHMTV trong điều kiện tương quan với sự phát triển của các loại hình doanh nghiệp khác. Chính vì vậy, nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về doanh nghiệp nói chung, công ty TNHHMTV nói riêng cần được triển khai một cách đồng bộ và hiệu quả.

Thứ ba, Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về tổ chức và hoạt động của các công ty TNHHMTV, đặc biệt là các công ty TNHHMTV có vốn đầu tư nước ngoài. Việc thực hiện phải đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật nhưng cũng không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Việc phát hiện những hành vi vi phạm phải được xử lý kịp thời và đúng pháp luật. Bên cạnh đó, công tác thanh kiểm tra có thể đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp và “hiển kế” tìm ra những giải pháp tháo gỡ những khó khăn đó trước mắt và lâu dài. Trong đó, đối với các cơ quan chức năng quản lý doanh nghiệp ở địa phương cần tăng cường hơn nữa việc thanh tra, kiểm soát, giám sát thực trạng áp dụng và thực hiện các quy định của pháp luật doanh nghiệp trong quản lý nội bộ các doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, kịp thời phát hiện những sai phạm, thiếu sót và có những biện pháp hỗ trợ trong việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên và các khách hàng; đồng thời góp phần tăng cường việc thực thi pháp luật của các công ty trong quá trình hoạt động.

Thứ tư, Tăng cường giao lưu, hợp tác quốc tế, trao đổi kinh nghiệm về tổ chức, hoạt động của công ty, trong đó có công ty TNHHMTV. Từ việc tiếp cận, nghiên cứu các quy định của hệ thống pháp luật các nước về quản trị công ty để đúc rút những bài học kinh nghiệm áp dụng vào tổ chức, quản lý

công ty ở Việt Nam. Mỗi một mô hình về quản trị có những tính ưu việt và hạn chế nhất định. Chúng ta không phải là một sự sao chép hay chỉ “cổ sù” cho một mô hình quản trị nhất định mà cần xây dựng một nền quản trị công ty ở Việt Nam phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội ở nước ta. Qua đó, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển hoạt động của các công ty nói chung, công ty TNHH MTV nói riêng.

3.2.2. Những giải pháp cụ thể

Thứ nhất, Công ty TNHH MTV là loại hình doanh nghiệp một chủ sở hữu. Chủ sở hữu công ty đầu tư vốn thành lập và điều hành hoạt động công ty. Chủ sở hữu chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo quy định tại Luật Doanh nghiệp thì chủ sở hữu công ty bị hạn chế quyền khi chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác. Quy định này vô hình dung đã hạn chế quyền tự do kinh doanh của chủ sở hữu công ty. Trường hợp chủ sở hữu chuyển toàn bộ vốn cho người khác (tổ chức, cá nhân) sẽ đồng nghĩa với việc chủ sở hữu không thực hiện kinh doanh ở công ty mà họ đã đầu tư thành lập. Chủ sở hữu công ty lúc này thuộc người khác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật. Trường hợp, nếu chuyển một phần vốn cho người khác thì buộc công ty phải thực hiện việc đăng kí, chuyển đổi mô hình công ty theo quy định. Như vậy, chuyển sang mô hình công ty cổ phần hoặc công ty TNHH hai thành viên trở lên sẽ đồng nghĩa với việc chia sẻ quyền lực và quản lý công ty.

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả cho rằng cần quy định cụ thể về việc chủ sở hữu công ty TNHH MTV có thể được rút vốn nếu việc rút vốn đó không làm ảnh hưởng đến hoạt động của công ty cũng như nghĩa vụ thanh

toán của công ty đối với các chủ thể khác. Quy định như vậy vừa đảm bảo quyền của chủ sở hữu công ty vừa bảo vệ được lợi ích của các khách hàng; đồng thời không làm thay đổi mô hình công ty.

Thứ hai, công ty TNHHMTV không được phát hành cổ phần để huy động vốn. Tuy nhiên, công ty TNHHMTV có thể phát hành trái phiếu. Thiết nghĩ, pháp luật cần quy định cho phép công ty TNHH nói chung và công ty TNHHMTV được phép phát hành cổ phiếu cũng như các loại chứng khoán khác như công ty cổ phần. Việc quy định như vậy căn cứ trên các luận điểm sau: (i) quy định cho công ty TNHH được phép phát hành các loại chứng khoán để huy động vốn đảm bảo quyền tự do kinh doanh và sự chủ động cho các doanh nghiệp cùng cạnh tranh, cùng kinh doanh trong sự cạnh tranh công bằng, bình đẳng; (ii) Bản chất công ty TNHHMTV là công ty đối vốn, theo đó một trong những bản chất cơ bản của công ty đối vốn là một pháp nhân và áp dụng chế độ hữu hạn tài sản; (iii) Trong xu thế hội nhập quốc tế thì bất cứ một nhà đầu tư nào cũng muốn mở rộng thị phần, thị trường, đặc biệt là những thị trường mới, có tiềm năng phát triển khi có sự gia nhập mở cửa dành cho nhà đầu tư khi tham gia thị trường chứng khoán.

Thứ ba, Luật Doanh nghiệp năm 2014 vẫn chưa quy định rõ cụ thể ai là người đại diện cho công ty TNHHMTV. Luật Doanh nghiệp chỉ quy định chung về người đại diện cho công ty tại Điều 13. Theo quy định này, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Đối với công ty TNHHMTV thì chủ sở hữu công ty có thể là tổ chức hoặc cá nhân. Tuy nhiên, để đảm bảo sự minh bạch và hiệu quả trong quản trị công ty, cần quy định rõ ai là người đại diện

cho công ty trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Chủ sở hữu, Chủ tịch công ty hay Giám đốc công ty?

Thứ tư, Theo quy định tại Điều 13 Luật doanh nghiệp (2014) thì trong một số trường hợp đặc biệt, Tòa án có thẩm quyền có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Về vấn đề này cần được minh bạch ở một số điểm: (i) trường hợp đặc biệt ở đây được hiểu là trường hợp nào/, (ii) người được Tòa án chỉ định làm đại diện cho công ty có cần đáp ứng điều kiện, tiêu chí gì không? Chính vì vậy, pháp luật cần quy định cụ thể, có thể được quy định trong một văn bản dưới luật hướng dẫn về nội dung này. Việc quy định cụ thể sẽ đảm bảo cách hiểu, thực hiện được đồng bộ và đúng pháp luật. Đồng thời, góp phần hạn chế những hành vi lạm dụng quyền lực vi phạm pháp luật của những người có thẩm quyền làm phương hại đến lợi ích công ty và thành viên công ty. Mặt khác, người do Tòa án chỉ định làm người đại diện cũng cần phải đáp ứng những tiêu chí nhất định như năng lực, trình độ, khách quan,...để thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của một người đại diện công ty trước cơ quan công quyền.

Thứ năm, trên cơ sở sự phân tích về hạn chế khi chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Trong khi đó, việc quy định về nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty rất chặt chẽ. Theo đó, Chủ sở hữu phải góp đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp không góp, không góp đủ, không góp đúng hạn vốn điều lệ thì chủ sở hữu chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty, thiệt hại xảy ra do không góp, không góp đủ, không góp đúng hạn vốn điều lệ. Quy định về việc không được rút lợi nhuận như vậy quá “khắt khe” đối với chủ sở hữu vì trên thực tế có thể đối với khoản nợ hay nghĩa vụ tài chính giữa chủ sở

hữu với các chủ nợ có thể thỏa thuận về việc kéo dài thời hạn thanh toán hoặc việc chưa thanh toán được có thể do các lý do khách quan. Do đó, nếu quy định cứng như vậy có thể ảnh hưởng đến việc điều phối hoạt động công ty cũng như đảm bảo lợi ích của chủ sở hữu. Do đó, tác giả cho rằng cần quy định mang tính “mở” trong trường hợp này. Theo đó, đối với việc chưa thanh toán được khoản nợ do các trường hợp khách quan thì chủ sở hữu vẫn có quyền rút lợi nhuận. Nghĩa vụ chứng minh thuộc về chủ sở hữu công ty.

Kết luận chương 3

Sau thời gian kể từ khi Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua Luật doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp 1999 đã đánh dấu bước phát triển quan trọng trong việc khẳng định các thành phần kinh tế. Đồng thời việc ghi nhận công ty TNHH một thành viên trong Luật doanh nghiệp 1999 đến Luật doanh nghiệp 2005 và đến luật 2014 là một sự đổi mới các quy định pháp luật phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta hiện nay.

Để tạo điều kiện về mặt pháp lý cho các nhà kinh doanh đầu tư làm ăn lâu dài, nhà làm luật cần phải mở rộng đối tượng điều chỉnh của quản trị công ty TNHH một thành viên và tạo ra cơ chế hoạt động phù hợp. Sự sửa đổi, bổ sung các quy định về quản trị công ty TNHH một thành viên góp phần quản lý kiểm soát điều kiện phát triển kinh tế của doanh nghiệp, những quy định pháp luật về quản trị công ty TNHH một thành viên được vận dụng theo nhiều mô hình quản trị công ty học tập từ các nước có bề dày quản trị tốt.

KẾT LUẬN

Xây dựng mô hình quản trị công ty TNHHMTV minh bạch và hiệu quả không chỉ là mục tiêu của hoạch định chính sách pháp luật mà còn thể hiện nhu cầu và mong muốn của các nhà đầu tư. Tuy nhiên, để có sức thu hút, nâng cao năng lực cạnh tranh thì vấn đề quản trị nội bộ công ty TNHHMTV là vấn đề hết sức quan trọng, vấn đề “cột trụ” cần phải được đưa lên hàng đầu. Công ty TNHHMTV là loại hình công ty với nhiều tính đặc thù từ chủ sở hữu, thành viên, cơ cấu tổ chức, quản lý đến việc phân chia quyền lực,..Quyền quản lý công ty gắn với cơ chế sở hữu, với mô hình tổ chức, quản lý hay các thành viên. Vấn đề quản trị nội bộ công ty TNHHMTV được quy định trong các văn bản pháp luật từ Luật công ty (1990), Luật doanh nghiệp (1999), Luật doanh nghiệp (2005) và Luật doanh nghiệp (2014). cùng với các văn bản luật khác liên quan như: Luật Bảo vệ người tiêu dùng, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư,...đã tạo dựng khung pháp lý cho hoạt động của công ty TNHHMTV. Tuy nhiên, bên cạnh đó những quy định của pháp luật về quản trị công ty TNHHMTV vẫn bộc lộ một số hạn chế cần khắc phục cũng như những vướng mắc trong quá trình áp dụng như: mối quan hệ giữa sở hữu và điều hành, thực hiện quyền rút vốn hay lợi nhuận của chủ sở hữu,..... Công ty TNHHMTV luôn gắn liền với các mối quan hệ đa chiều. một cách tiếp cận rộng lớn hơn với sự vận hành của cơ chế kiểm soát và cân bằng quyền lực. Các mối quan hệ này tùy thuộc một phần vào luật lệ, một phần vào sự điều chỉnh tự nguyện và sự tác động của thị trường. Duy trì cạnh tranh bình đẳng trong một thế giới kinh tế có nhiều biến động, các công ty hợp danh cần cải cách và điều chỉnh thông lệ, hướng tới sự hoàn thiện một nền quản trị công ty để có thể đáp ứng được các yêu cầu mới và giành được các cơ hội mới. Vì vậy, xây dựng một mô hình quản trị công ty TNHHMTV ở Việt Nam vừa mang tính truyền thống, đạo đức vừa mang tính hiện đại luôn là yêu cầu cấp thiết hiện nay trong điều kiện hội nhập kinh tế toàn cầu.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu trong nước

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Hiến pháp Việt Nam (*năm 1946, 1959, 1980 và 1992, 2001*) Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Hiến pháp 1992 sửa đổi bổ sung năm 2001 (2002), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Luật Công ty năm 1990;
6. Luật doanh nghiệp năm 1999;
7. Luật Doanh nghiệp Việt Nam năm 2005/2014
8. Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2005.
9. Luật Đầu tư năm 2005/2014
10. Luật Chứng khoán 2007
11. Nguyên tắc quản trị của OECD
12. Giáo trình luật Thương mại (Tập 1), Trường Đại học luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, năm 2008
13. Luật kinh doanh Việt Nam, Tập 1, TS. Lê Minh Toàn (chủ biên), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2009
14. Công ty – Vốn, quản lý và tranh chấp theo Luật doanh nghiệp 2005/ Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Đình Cung, NXB Tri Thức

15. Vấn đề tổ chức quản lý công ty cổ phần theo luật doanh nghiệp, Đông Ngọc Ba, Tạp chí Luật học, Số 2/2001, tr.3 – 7
16. PGS.TS Ngô Huy Cương (chủ biên):”Giáo trình Luật thương mại phần chung và thương nhân”, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội,(2013), tr 262.
17. Một số so sánh về công ty cổ phần theo Luật Công ty Nhật Bản và Luật doanh nghiệp Việt Nam, Nguyễn Thị Lan Hương, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học 25 (2009), trang 87-93
18. Thúy Hải (2014): “Ai bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng”; <http://www.baomoi.com/ai-bao-ve-quyen-loi-nguoi-tieu-dung/c/13428905.epi>
19. IFC (2010): Cẩm nang quản trị công ty, tr 17 – 21.
20. Cao Thị Kim Trinh, Tổ chức quản lý nội bộ công ty cổ phần – Những vấn đề lý luận và thực tiễn, Luận văn thạc sĩ, 2004.
21. Nguyễn Thanh Bình, “*Những đặc trưng của quản lý Nhà nước bằng pháp luật đối với công ty cổ phần*”, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 9/2004.
22. Đông Ngọc Ba, “*Một số vấn đề pháp luật và tục tiễn về các loại hình Doanh nghiệp ở Việt Nam*”, Tạp chí Luật học, số 1/2005.
23. Nguyễn Quý Trọng, “Thách thức trong quản trị công ty cổ phần ở Việt Nam – từ lý thuyết đến thực tiễn áp dụng”, tạp chí Luật học số 02/ 2014.
24. Ngô Viễn Phú, “*Địa vị pháp lý của Tổng giám đốc công ty cổ phần*”, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 7/2005.
25. Trần Ngọc Tú, “Một số nội dung về bảo vệ quyền của cổ đông theo Luật Doanh nghiệp 2005”, Tạp chí Ngân hàng, số 20 tháng 10/2006.

26. Phạm Duy Nghĩa, “Tổng quan về quản trị công ti ở Việt Nam, Hội thảo khoa học: Luật doanh nghiệp và luật phá sản trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế-tiếp cận kinh nghiệm từ Đức, Pháp, Nhật”, Đại học Luật Hà Nội năm 2013.

II. Tài liệu nước ngoài

27. James C. Freund (1979), *Lawyering, a Realistic Approach to Legal Practice*, Law Journal Seminars-Press, Mỹ;
28. Lincoln Caplan (1993), *Skadden: Power, Money and the Rise of a Legal Empire*, HarperColins, Mỹ;
29. The New York State Bar Assosiation: *The Lawyers Code of Professional responsibility*, Adopted by the New York State Bar Assosiation, Effective January 1, 1970, As Amended Effective January 1, 2002;
30. Brett Cole (2008), *M&A Titans: The Pioneers Who Shaped Wall Streets Mergers and Acquisitions Indutry*, Jonh Wiley & Sons, Mỹ;
31. George W. Dent Jr (2009), "*BusinessLawyers as Enterprinse Architects*", *"BusinessLawyers, Vol 64(2), t279*;
32. Đặng Xuân Hợp (2012), "*Preparing Law Students for an International Legal Practice: through Law Tutorials*", *Seminar on Internationalization of Syllabus and Lawyer Practicing, tháng 11/2012, Bond University, Queensland, Úc.*

III. Website

33. <http://www.vca.gov.vn/Web/Content.aspx?distid=6009&lang=vi-VN>, truy cập ngày 20/8/2016.
34. <http://www.vneconomy.com.vn>, truy cập ngày 22/8/2016.

35. <http://www.vca.gov.vn/Web/Content.aspx?distid=1603&lang=vi-VN>, truy cập ngày 10/8/2016.
36. <http://nghienquaphapluatdoanhnghiep.wordpress.com>
37. <http://luathoangminh.com/tieu-diem/2678-buoc-tien-trong-viec-bao-ve-co-dong-nho.html>
38. <http://luatminhkhue.vn/quan-tri/thuc-tien-to-tung-co-dong-khoi-kien--tranh-chap-moi--luat-con-vuong.aspx>
39. <http://phapluattp.vn/20100622121823338p1063c1016/co-dong-khoi-kien-tranh-chap-moi-luat-con-vuong.htm>;
40. <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/NewsandUpdates/tabid/91/ArticleID/2622/T%C3%ACnh-h%C3%ACnh-chung-v%E1%BB%81-%C4%91%C4%83ng-k%C3%BD-doanh-nghi%E1%BB%87p-Th%C3%A1ng-3-v%C3%A0-Qu%C3%BD-I-n%C4%83m-2016.aspx>.
41. http://www.taichinhdientu.vn/Home/Nang_cao_chat_luong_hoat_dong_cua_Hiep_hoi_doanh_nghiep/20103/79820.dfis